

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện kiến nghị Kiểm toán nhà nước đối với các
dự án sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước**

Theo nội dung Công văn số 11134/BTC-ĐT ngày 28/10/2022 của Bộ Tài chính về việc đôn đốc báo cáo tình hình thực hiện, tổng hợp kết quả thực hiện kiến nghị Kiểm toán nhà nước đối với nguồn vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước; UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo tình hình thực hiện kiến nghị Kiểm toán nhà nước đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước năm 2021 và các năm từ 2020 trở về trước, như sau:

A. Kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước năm 2021

Tổng số kiến nghị là 87.846.691.027 đồng; đã thực hiện 52.453.052.027 đồng, đạt 59,71%, đang thực hiện là 35.393.639.000 đồng. Số còn lại chưa thực hiện các đơn vị sẽ tiếp tục thiến hiện trong thời gian đến, cụ thể:

1. Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định: Kiến nghị là 1.057.274.000 đồng; trong đó:

- Đã thực hiện: 651.088.000 đồng.
- Đang thực hiện: 406.186.000 đồng.

2. Thu hồi kinh phí thừa: Kiến nghị là 46.884.555.027 đồng, trong đó:

- Đã thực hiện: 43.089.074.027 đồng.
- Đang thực hiện: 3.795.481.000 đồng.

3. Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau: Kiến nghị là 5.063.681.000 đồng, trong đó:

- Đã thực hiện: 2.654.077.000 đồng.
- Đang thực hiện: 2.409.604.000 đồng.

4. Giảm giá trị hợp đồng: Kiến nghị là 9.851.007.000 đồng, trong đó:

- Đã thực hiện: 5.814.441.000 đồng.
- Đang thực hiện: 4.036.566.000 đồng.

5. Xử lý khác: Kiến nghị là 24.990.174.000 đồng, trong đó:

- Đã thực hiện: 244.372.000 đồng.
- Đang thực hiện: 24.745.802.000 đồng.

(chi tiết theo Biểu số 01 đính kèm)

B. Kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước các năm từ 2020 trở về trước

I. Kiểm toán NSDP năm 2020

Tổng kiến nghị còn lại là 28.439.769.122 đồng, đã thực hiện 12.526.212.000 đồng, đang thực hiện là 15.913.557.122 đồng, cụ thể:

1. Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai chế độ: Kiến nghị còn lại là 352.535.000 đồng, trong đó:

- Đã thực hiện: 329.134.000 đồng.

- Đang thực hiện: 23.401.000 đồng, cụ thể:

+ Tại Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh: chưa thu hồi nộp NSNN số tiền 23.401.000 đồng công trình Trường THPT chuyên Lê Khiết.

2. Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau: Kiến nghị còn lại là 445.822.000 đồng, trong đó:

- Đã thực hiện: 236.201.000 đồng,

- Đang thực hiện: 209.621.000 đồng, cụ thể:

+ Tại Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh: Còn lại 88.235.000 đồng chưa giảm dự toán, giảm thanh toán công trình Trường THPT Lê Trung Đình (gđ2).

+ Tại Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh: Còn lại 31.502.000 đồng chưa giảm dự toán, giảm thanh toán công trình Đập ngăn mặn Bình Nguyên và Bình Phước. Hiện nay, đơn vị đang đôn đốc nhà thầu lên hồ sơ thanh toán và sẽ thực hiện việc giảm trừ thanh toán trong thời gian tới.

+ Tại Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thành phố Quảng Ngãi: Còn lại 89.884.000 đồng chưa giảm dự toán, giảm thanh toán dự án Khu dân cư Nghĩa Phú (Giai đoạn 2) là 17.369.000 đồng và dự án Khu đô thị mới phục vụ tái định cư Khu II Đê bao là 72.515.000 đồng.

3. Giảm giá trị hợp đồng: Kiến nghị còn lại là 1.375.795.000 đồng, trong đó:

- Đã thực hiện: 930.515.000 đồng,

- Đang thực hiện: 445.280.000 đồng, cụ thể:

+ Tại Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thành phố Quảng Ngãi: Còn lại 445.280.000 đồng chưa giảm giá trị hợp đồng các dự án: Khu dân cư Nghĩa Phú (Giai đoạn 2) là 66.375.000 đồng, dự án Khu đô thị mới phục vụ tái định cư Khu II Đê bao là 230.765.000 đồng, dự án Cầu an Phú qua sông Phú Thọ là 4.575.000 đồng, dự án Đường Tô Hiến Thành (đoạn Trương Định - Trần Quốc Tuấn) là 143.565.000 đồng.

4. Xử lý tài chính khác: Kiến nghị còn lại là 25.667.299.122 đồng, trong đó:

- Đã thực hiện: 10.516.913.000 đồng,

- Đang thực hiện: 15.150.386.122 đồng, cụ thể:

+ Tại Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh: Chưa thu hồi nộp trả ngân sách tỉnh các khoản tạm ứng do dừng thực hiện dự án với tổng số tiền còn lại là 15.150.386.122 đồng, trong đó: Dự án khu liên hợp thể thao tỉnh 14.032.599.431 đồng và dự án Công viên tỉnh 1.117.786.691 đồng.

5. Kiến nghị khác: Kiến nghị còn lại là 598.318.000 đồng, trong đó:

- Đã thực hiện: 513.449.000 đồng,

- Đang thực hiện: 84.869.000 đồng; cụ thể:

+ Tại Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thành phố Quảng Ngãi: Còn lại 79.685.000 đồng chưa điều chỉnh giảm phần thuế giá trị gia tăng trong giá trị dự toán chi phí giám sát thi công xây dựng đối với dự án Khu đô thị mới phục vụ tái định cư Khu II Đê bao.

+ Tại Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh: Chưa thu hồi kinh phí đã thanh toán thừa so với giá trị quyết toán A-B dự án Trường THPT chuyên Lê Khiết số tiền 5.184.000 đồng.

II. Kiểm toán NSDP năm 2019

Tổng kiến nghị còn lại là 7.634.340.750 đồng; đã thực hiện 3.042.548.750 đồng, đang thực hiện là 4.591.792.000 đồng, cụ thể:

1. Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau: Kiến nghị còn lại là 184.653.000 đồng, trong đó:

- Đã thực hiện: 41.864.000 đồng,

- Đang thực hiện: 142.789.000 đồng, cụ thể:

+ Ban quản lý KKT Dung Quất và các KCN tỉnh Quảng Ngãi: Chưa thực hiện giảm dự toán 142.789.000 đồng của Dự án Xây dựng 02 tuyến đường gom QL 1A (D3 & D4). Nguyên nhân: Dự án đã tạm dừng thi công từ khá lâu do vướng mặt bằng; trong thời gian đến, Ban quản lý KKT Dung Quất và các KCN tỉnh sẽ tổ chức làm việc với VSIP về tình hình, kế hoạch tháo gỡ các vướng mắc về mặt bằng; trường hợp không thể giải quyết để tiếp tục thi công, sẽ tổng hợp báo cáo UBND tỉnh cho chủ trương dừng dự án, làm cơ sở thực hiện dứt điểm các nội dung còn lại của kết luận kiểm toán và quyết toán dự án hoàn thành. Dự kiến thời gian thực hiện hoàn thành trong năm 2022.

2. Giảm giá trị hợp đồng: Kiến nghị còn lại 3.857.471.000 đồng, trong đó:

- Đã thực hiện: 49.025.000 đồng,

- Đang thực hiện: 3.808.446.000 đồng; cụ thể:

+ Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN tỉnh Quảng Ngãi chưa giảm giá trị hợp đồng của dự án Xây dựng 02 tuyến đường gom QL 1A (D3 & D4) là 3.808.446.000 đồng. Nguyên nhân: Dự án đã tạm dừng thi công từ khá lâu do

vướng mặt bằng; trong thời gian đến, Ban quản lý KKT Dung Quất và các KCN tỉnh sẽ tổ chức làm việc với VSIP về tình hình, kế hoạch tháo gỡ các vướng mắc về mặt bằng; trường hợp không thể giải quyết để tiếp tục thi công, sẽ tổng hợp báo cáo UBND tỉnh cho chủ trương dừng dự án, làm cơ sở thực hiện dứt điểm các nội dung còn lại của kết luận kiểm toán và quyết toán dự án hoàn thành. Dự kiến thời gian thực hiện hoàn thành trong năm 2022.

3. Kiến nghị xử lý khác: Kiến nghị còn lại 3.592.216.750 đồng, trong đó:

- Đã thực hiện: 2.951.659.750 đồng,

- Đang thực hiện: 640.557.000 đồng, cụ thể:

+ Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN tỉnh Quảng Ngãi thanh toán nhưng chưa đầy đủ thủ tục hồ sơ 640.557.000 đồng của dự án Xây dựng 02 tuyến đường gom Quốc lộ 1A (D3&D4); Nguyên nhân: Ban quản lý KKT Dung Quất và các KCN tỉnh đang tiến hành rà soát, điều chỉnh phụ lục hợp đồng cho phù hợp, đảm bảo quy định hiện hành. Dự kiến thời gian thực hiện hoàn thành trong năm 2022.

III. Năm 2018

Tổng kiến nghị còn lại là 30.704.911.866 đồng; đã thực hiện 276.678.444 đồng, đang thực hiện là 30.428.233.422 đồng, trong đó:

III.1 Kiểm toán NSDP năm 2018:

Tổng kiến nghị còn lại là 30.544.158.669 đồng; đã thực hiện 260.485.444 đồng, đang thực hiện là 30.283.673.225 đồng, cụ thể:

1. Thu hồi kinh phí thừa: Kiến nghị còn lại là 29.763.793.091 đồng, cụ thể: Sở Tài chính chưa nộp trả ngân sách Trung ương khoản kinh phí bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương (bao gồm: Kinh phí Chương trình MTQG nông thôn mới 557 triệu đồng, Kinh phí bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương 3.009 triệu đồng; Kinh phí thừa không sử dụng hết đơn vị chưa nộp trả 26.000 triệu đồng; Chương trình nông thôn mới 197,7 triệu đồng). UBND tỉnh Quảng Ngãi đã báo cáo Kiểm toán nhà nước khu vực III không thu hồi khoản kinh phí này, vì lý do:

(1) Kinh phí Chương trình MTQG Nông thôn mới 557.000.000 đồng và kinh phí bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương 3.009.000.000 đồng, do thời điểm cung cấp số liệu cho Đoàn Kiểm toán trong thời gian đang chỉnh lý quyết toán, do vậy xác định số thu hồi bị trùng.

(2) Nguồn vốn năm 2017 trở về trước còn lại chưa bố trí, chưa sử dụng hết 197.793.091 đồng, theo số báo cáo quyết toán năm 2017 của Kho bạc nhà nước Quảng Ngãi tại Biểu 03/KBQT ngày 24/7/2018 thì dự án KCH kênh CV-24 huyện Nghĩa Hành là số dư dự toán kéo dài và đã được chuyển nguồn tại Quyết định số 1726/QĐ-UBND ngày 30/7/2018. Tuy nhiên đến ngày 23/8/2018 Kho bạc nhà nước Quảng Ngãi xin điều chỉnh số liệu giải ngân của dự án này là đã thanh toán khối lượng niên độ 2017 tại Biểu số 03/KBQT ngày 23/8/2018.

(3) Kinh phí thừa không sử dụng hết đơn vị chưa nộp trả 26.000 triệu đồng: Đây là khoản kinh phí ngân sách trung ương bố trí để thu hồi ứng trước năm 2014 (tổng số tiền thu hồi ứng trước là 30.000 triệu đồng). Năm 2014, Bộ Tài chính thực hiện thu hồi vốn ứng trước (03 dự án), đồng thời đã giảm trừ trong dự toán bổ sung có mục tiêu năm 2014 của địa phương số tiền là 30.000 triệu đồng tại Công văn số 5050/BTC-NSNN ngày 18/4/2014 và số 16204/BTC-NSNN ngày 06/11/2014 của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, do sai danh mục dự án hoàn ứng nên địa phương chỉ thực hiện thu hồi ứng trước đối với 01 dự án tương ứng số tiền là 4.000 triệu đồng, số còn lại 26.000 triệu đồng địa phương chuyển nguồn sang năm sau và sẽ tiếp tục thu hồi ứng trước sau khi điều chỉnh danh mục dự án. Vì vậy, đây không phải là kinh phí thừa, mà là kinh phí thu hồi ứng trước.

2. Thu hồi, nộp ngân sách các khoản chi sai quy định: Kiến nghị còn lại là 37.907.578 đồng, trong đó:

- Đã thực hiện: 12.282.444 đồng,
- Đang thực hiện: 25.625.134 đồng; cụ thể:

+ Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh chưa thực hiện thu hồi nộp ngân sách số tiền 25.625.134 đồng của Dự án Đê kè Hòa Hà, huyện Tư Nghĩa.

Nguyên nhân: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh đã có văn bản yêu cầu các đơn vị liên quan hoàn trả số tiền nêu trên để nộp ngân sách theo quy định (*Công văn số 1604/BQL-TCKT ngày 10/8/2021, số 2513/BQL-TCKT ngày 16/11/2021*); tuy nhiên, đến nay các đơn vị vẫn chưa thực hiện. Trong thời gian đến, Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh sẽ tiếp tục làm việc với từng đơn vị để hoàn trả số tiền nêu trên trong năm 2022.

3. Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau: Đã hoàn thành kiến nghị là 50.685.000 đồng.

4. Giảm giá trị hợp đồng: Kiến nghị còn lại là 691.773.000 đồng, trong đó:

- Đã thực hiện: 197.518.000 đồng,
- Đang thực hiện: 494.255.000 đồng; cụ thể:

+ Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh, chưa thực hiện giảm giá trị hợp đồng của dự án Đê kè Hòa Hà, huyện Tư Nghĩa. Nguyên nhân: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh đang phối hợp với các đơn vị liên quan để điều chỉnh giảm giá trị hợp đồng, thời gian hoàn thành trong năm 2022.

III.2 Kiểm toán Chuyên đề CTMTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020:

Tổng kiến nghị còn lại là 160.753.197 đồng, đã thực hiện 16.193.000 đồng, đang thực hiện là 144.560.197 đồng, cụ thể:

1. Thu hồi nộp ngân sách các khoản chi sai quy định: Số kiến nghị còn lại là 160.753.197 đồng, đang thực hiện là 144.560.197 đồng, cụ thể

+ Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Ba Tơ chưa thực hiện thu hồi nộp ngân sách các khoản chi sai quy của các dự án: Cầu Nước Xi 32.983.595 đồng; Đường Quốc lộ 24 đi Nước Ui 66.368.705 đồng; Cầu Bê tông cốt thép UBND xã Nước Lá 45.208.153 đồng. Nguyên nhân: (1) Các công trình Cầu Nước Xi, xã Ba Tô; Đường QL 24 đi Nước Ui, xã Ba Vì (tổng số tiền 89,6 triệu đồng) do Công ty TNHH Miền Tây thi công. Hiện nay, đơn vị còn giá trị khối lượng đã được nghiệm thu nhưng chưa thanh toán thuộc dự án Đường Ba Bích - Ba Nam, huyện Ba Tơ, khi thanh toán cho nhà thầu sẽ thực hiện khấu trừ và yêu cầu nhà thầu nộp trả số tiền bị thu hồi theo kết luận kiểm toán; thời gian thu hồi nộp ngân sách nhà nước tùy thuộc vào kế hoạch vốn giao cho dự án này. (2) Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại Huy Hoàng thi công công trình Cầu BTCT UBND xã - Nước Lá (tổng số tiền 45.208.153 đồng) và Công ty TNHH Thanh Bình liên danh thi công công trình Cầu Nước Xi, xã Ba Tô (tổng số tiền 9,7 triệu đồng). Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện tiếp tục liên hệ và đề nghị đơn vị nộp trả theo quy định.

IV. Năm 2017

Tổng kiến nghị còn lại là 15.678.335.182 đồng; đã thực hiện 998.512.047 đồng, đang thực hiện là 14.679.823.135 đồng, trong đó:

IV.1 Kiểm toán NSDP năm 2017:

Tổng kiến nghị còn lại đang thực hiện là 7.933.290.999 đồng, cụ thể:

1. Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau: Kiến nghị còn lại đang thực hiện là 85.281.910 đồng, cụ thể:

+ Chưa giảm dự toán, giảm thanh toán đối với dự án Cầu Thạch Bích là 85.281.910 đồng. Nguyên nhân: Hiện nay, dự án Cầu Thạch Bích đã thi công hoàn thành và UBND thành phố đã giao Phòng Quản lý đô thị thành phố tham mưu phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình để làm cơ sở điều chỉnh hợp đồng (vì *hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh*), trong đó có điều chỉnh giảm khối lượng theo kết luận của Kiểm toán nhà nước.

2. Giảm giá trị hợp đồng: Kiến nghị còn lại là 7.848.009.089 đồng, trong đó: Dự án Cầu Thạch Bích là 7.743.247.089 đồng, dự án Đường Lê Thánh Tôn 104.762.000 đồng. Nguyên nhân: (1) đối với dự án Cầu Thạch Bích, UBND thành phố đã trình Sở Giao thông vận tải thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình để làm cơ sở điều chỉnh hợp đồng của các gói thầu (vì *hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh*) và tư vấn thiết kế, trong đó đã có điều chỉnh giảm sai khối lượng theo kết luận của Kiểm toán nhà nước; (2) đối với dự án Đường Lê Thánh Tôn, UBND Thành phố chỉ đạo Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và phát triển quỹ đất Thành phố Quảng Ngãi điều chỉnh giảm trong quá trình điều chỉnh dự toán xây dựng công trình để quyết toán.

IV.2 Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư tại Dự án Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh; Dự án Cảng Bến Đình

1. Kiến nghị xử lý tài chính

Số kiến nghị còn lại đang thực hiện là 7.745.044.183 đồng, cụ thể: Giảm chi đầu tư tại Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh, trong đó:

Thu hồi nộp ngân sách các khoản chi sai quy định 2.184.920.653 đồng của Dự án đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh

Thu hồi các khoản phải nộp nhưng chưa nộp 5.560.123.530 đồng của Dự án đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh

Nguyên nhân chưa hoàn thành các nội dung trên: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh đã có nhiều văn bản chỉ đạo và làm việc với từng nhà thầu thi công để nộp trả ngân sách nhà nước theo kiến nghị của Kiểm toán nhà nước; tuy nhiên, hiện nay một số nhà thầu đang rất khó khăn về mặt tài chính (có nhà thầu đã giải thể) nên chưa thể nộp trả ngân sách nhà nước, một số nhà thầu bị ảnh hưởng giảm trừ nhiều công trình nên chỉ mới nộp trả ngân sách nhà nước một phần của tổng giá trị giảm trừ. Trong thời gian đến, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh tiếp tục đôn đốc và làm việc với các nhà thầu để hoàn thành nghĩa vụ nộp trả ngân sách nhà nước số tiền nêu trên theo đúng quy định.

V. Năm 2016:

V.1 Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư tại 03 dự án thuộc BQL Khu kinh tế Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi

1. Kiến nghị xử lý tài chính: Tổng số kiến nghị còn lại là 17.945.180.565 đồng, trong đó:

- Đã thực hiện: 17.752.999.804 đồng,

- Đang thực hiện: 192.180.761 đồng, bao gồm:

a) Giảm giá trị thanh toán: 192.180.761 đồng của 02 dự án: Dự án đường Trì Bình - cảng Dung Quất là 91.398.692 đồng và Kè chống sạt lở kết hợp đường cứu hộ, cứu nạn di dân tái định cư, neo đậu tàu thuyền - Đập Cà Ninh hạ lưu sông Trà Bồng phục vụ KKT Dung Quất, huyện Bình Sơn là 100.782.069 đồng.

Nguyên nhân chưa thực hiện: Giá trị còn lại 91.369.523 đồng thuộc chi phí Giám sát thi công do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng (thuộc Ban Quản lý KTT Dung Quất và các KCN tỉnh) tự thực hiện. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng sẽ tiến hành nghiệm thu và giảm chi phí giám sát trên tương ứng với với khối lượng xây lắp hoàn thành, sẽ lập hồ sơ giảm thanh toán trong quý I/2023.

Nguyên nhân chưa thực hiện giá trị còn lại 100.782.069 đồng, Trước đây đã giảm trực tiếp phần khối lượng này trong quá trình nghiệm thu lên phiếu giá thanh toán; tuy nhiên, số liệu chưa được Kho bạc nhà nước ghi nhận. Do đó,

Ban Quản lý dự án sẽ tổ chức rà soát, điều chỉnh cho phù hợp với quy định và giảm trừ trong lần thanh toán tiếp theo. Dự kiến hoàn trong tháng 12/2022.

VI. Kiểm toán NSDP năm 2014

Thu hồi nộp ngân sách các khoản chi sai quy định: Số kiến nghị còn lại là 440.758.478 đồng, đang thực hiện thu hồi, nộp ngân sách các khoản chi sai quy định tại huyện Tư Nghĩa của Dự án đường Chim Hút - Nghĩa Thọ.

Nguyên nhân chưa thực hiện: UBND huyện Tư Nghĩa đã yêu cầu các nhà thầu triển khai thực hiện các nội dung theo kết luận của Kiểm toán nhà nước, tuy nhiên, đến nay các đơn vị này đã phá sản, không còn hoạt động kinh doanh nữa.

VII. Kiểm toán NSDP năm 2012

Tổng kiến nghị còn lại là 746.024.000 đồng; đã thực hiện 290.786.080 đồng, đang thực hiện là 455.238.320 đồng, cụ thể:

1. Thu hồi nộp ngân sách các khoản chi sai quy định: 103.919.433 đồng, tại Sở Tài chính (dự án nhà làm việc huyện ủy Trà Bồng 38.747.038 đồng, dự án ký túc xá Sinh viên Quảng Ngãi tại ĐH Quốc Gia TPHCM 65.172.395 đồng). Nguyên nhân chưa thực hiện: Đối với dự án Ký túc xá sinh viên tỉnh Quảng Ngãi tại Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh do Sở Xây dựng làm chủ đầu tư. Sở Xây dựng đã nhiều lần gửi văn bản cho Công ty CP đầu tư và phát triển Quốc tế (*nhà thầu thi công*), đề nghị Công ty nộp trả kinh phí theo Kết luận kiểm toán là 65.172.395 đồng. Tuy nhiên, đến nay Sở Xây dựng vẫn chưa nhận được phản hồi từ Công ty CP đầu tư và phát triển Quốc tế. Trong thời gian đến, Sở Xây dựng tiếp tục làm việc với Công ty CP Đầu tư và phát triển Quốc tế để sớm hoàn trả ngân sách nhà nước.

2. Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau: 196.557.392 đồng, trong đó: Dự án nhà ở cho Công nhân và người lao động có thu nhập thấp tại Khu Kinh tế Dung Quất 141.689.271 đồng, dự án Hạ tầng kỹ thuật KDC trục đường Bàu Giang - Cầu Mới 54.868.121 đồng. Nguyên nhân chưa thực hiện:

+ Dự án nhà ở cho Công nhân và người lao động có thu nhập thấp tại KKT Dung Quất được UBND điều chỉnh giao Sở Tài nguyên và Môi trường làm chủ đầu tư tại Quyết định số 1481/QĐ-UBND ngày 02/10/2020. Đến ngày 07/01/2021 Sở Tài nguyên và Môi trường có Quyết định số 04/QĐ-STNMT giao Trung tâm Phát triển quỹ đất làm Đại diện chủ đầu tư. Tuy nhiên, từ khi Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh tiếp nhận dự án đến nay thì dự án đã hết thời gian thực hiện dự án, tạm dừng thi công từ năm 2013 nên không có khối lượng nghiệm thu để giảm trừ thanh toán. Đến ngày 23/6/2021, UBND tỉnh có Công văn số 2893/UBND-CN XD về việc thực hiện dự án Khu dân cư và dịch vụ phục vụ Khu công nghiệp Tinh phong và dự án Đầu tư hạ tầng khu nhà ở công nhân và người lao động có thu nhập thấp tại Khu kinh tế Dung Quất; trong đó, thống nhất dự án Đầu tư hạ tầng khu nhà ở công nhân và người lao động có thu nhập thấp tại Khu kinh tế Dung Quất sẽ lựa chọn chủ đầu tư thông qua hình thức đấu thầu hoặc chỉ định thầu. Vì vậy, đến nay vẫn chưa thực hiện được theo yêu cầu của KTTN Khu vực III.

+ Dự án Hạ tầng kỹ thuật KDC trực đường Bàu Giang - Cầu Mới được UBND tỉnh điều chỉnh giao Sở Tài nguyên và Môi trường làm chủ đầu tư tại Quyết định số 1481/QĐ-UBND ngày 02/10/2020 và Sở Tài nguyên và Môi trường có Quyết định số 04/QĐ-STNMT ngày 07/01/2021 giao Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh làm Đại diện chủ đầu tư. Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh và Công ty TNHH MTV Đầu tư xây dựng và KDDV Quảng Ngãi thực hiện công tác tiếp nhận bàn giao hồ sơ dự án nhưng đến ngày 24/9/2021 số liệu tiếp nhận bàn giao về công tác tài chính vẫn chưa hoàn chỉnh vì ảnh hưởng của dịch covid 19 và số liệu đối chiếu giữa hai bên chưa thống nhất, nên từ khi tiếp nhận dự án Trung tâm chưa thể thực hiện các kiến nghị kiểm toán của dự án từ năm 2012. Tuy nhiên, hiện nay UBND tỉnh đã có Quyết định số 1500/QĐ-UBND ngày 24/9/2021 về việc điều chỉnh chủ đầu tư dự án Hệ thống hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư Trục đường Bàu Giang – Cầu Mới sang Ban quản lý dự án ĐTXD các công trình Giao thông tỉnh làm Chủ đầu tư.

3. Xử lý tài chính khác: Kiến nghị còn lại là 154.761.495 đồng, đang thực hiện giảm giá trị trúng thầu đối với dự án Hạ tầng kỹ thuật KDC trực đường Bàu Giang - Cầu Mới.

Nguyên nhân: Dự án Hệ thống hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư trục đường Bàu Giang - Cầu Mới được bàn giao chủ đầu tư từ Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh dịch vụ Quảng Ngãi sang Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh, ngày 24/9/2021, dự án tiếp tục chuyển đổi chủ đầu tư sang Ban Quản lý đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh, do đó chưa thực hiện kiến nghị kiểm toán.

VIII. Kiểm toán Chương trình 30a (giai đoạn 2009-2011)

Tổng kiến nghị còn lại là 18.107.197.651 đồng, đã thực hiện 33.068.211 đồng, đang thực hiện là 18.074.129.440 đồng, bao gồm:

1. Thu hồi, nộp ngân sách các khoản chi sai quy định: Kiến nghị còn lại chưa thực hiện là 266.954.000 đồng, cụ thể:

+ Nghiệm thu thanh toán sai đơn giá bê tông tấm lát dự án đường cầu Hà Riêng - Khu tái định cư, huyện Trà Bồng là 266.954.000 đồng.

Nguyên nhân: Nhà thầu thi công (*Công ty TNHH Xây dựng Thương Mại Vương Sáu*) không đồng ý với Kết luận Kiểm toán nhà nước.

2. Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau: Kiến nghị còn lại đang thực hiện là 1.207.975.440 đồng, cụ thể:

+ Dự án Đường Trà Phong - Gò Rô - Trà Bung, huyện Trà Bồng là 1.207.975.440 đồng.

Nguyên nhân: Các đơn vị thi công, tư vấn giám sát có liên quan, không đồng ý với kết quả kiểm toán của Đoàn Kiểm toán đối với nội dung kiến nghị nêu trên.

3. Kiến nghị xử lý khác: UBND huyện Sơn Tây phải bố trí nguồn hoàn trả 16.599.273.000 đồng, do chi xây dựng công trình không có trong danh mục công trình của đề án được duyệt.

Nguyên nhân: Sơn Tây là huyện miền núi đặc biệt khó khăn, hộ nghèo chiếm tỉ lệ cao, nguồn ngân sách hàng năm của huyện chủ yếu được UBND tỉnh hỗ trợ nên không có nguồn kinh phí để hoàn trả số tiền nêu trên theo Kết luận của Kiểm toán Nhà nước. UBND huyện Sơn Tây đã có văn bản gửi Kiểm toán Nhà nước, xin phép cho huyện được miễn hoàn trả nguồn vốn cho Chương trình 30a, số tiền 16.599.273.000 đồng nêu trên, giúp huyện có điều kiện phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội địa phương.

IX. Kiểm toán NSDP niên độ 2010

Tổng kiến nghị còn lại là 436.305.646 đồng; đã thực hiện 37.567.000 đồng, đang thực hiện là 398.738.646 đồng, cụ thể:

1. Thu hồi, nộp ngân sách các khoản chi sai quy định: 143.065.000 đồng của dự án Đường Giao thông tuyến đường Cầu Kinh Giang - Khê Hội do UBND huyện Sơn Tịnh làm chủ đầu tư, nay đã bàn giao cho UBND thành phố Quảng Ngãi. Đơn vị đã thực hiện nhưng sai thủ tục nên không được Kiểm toán Nhà nước KV III chấp nhận (*kiến nghị Kiểm toán nhà nước là thu hồi nộp ngân sách nhà nước các khoản chi sai chế độ nhưng đơn vị lại thực hiện điều chỉnh giảm dự toán*).

2. Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau: 255.673.646 đồng, cụ thể

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chưa giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau số tiền 255.673.646 đồng của Dự án trồng rừng phòng hộ đầu nguồn tỉnh.

Nguyên nhân: Theo báo cáo của đơn vị, căn cứ Quyết định số 1544/QĐ-UBND ngày 23/10/2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt điều chỉnh quyết toán dự án hoàn thành Trồng rừng phòng hộ đầu nguồn tỉnh Quảng Ngãi (JBIC) thì Công nợ còn lại của dự án là 213.218.312 đồng; trong đó: (1) DNTN Tài nguyên: 63.861.197 đồng đã có Kết luận của tòa án, tuy nhiên đơn vị không có khả năng trả nợ; (2) Công ty CP Thanh niên xung phong Quảng Ngãi: 149.357.115 đồng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã nhiều lần có văn bản (*Công văn số 3737/SNNPTNT-KHTC ngày 23/11/2021, số 151/SNNPTNT-KHTC ngày 14/01/2022 và Số 612/SNNPTNT-KHTC ngày 04/3/2022*) nhắc nhở đơn vị nhưng đến nay Công ty vẫn chưa nộp số tiền bị xuất toán nêu trên.

(Chi tiết theo Biểu 02 đính kèm)

UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo./.

Nơi nhận:

- Kiểm toán nhà nước;
- KTNN Khu vực III;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành trực thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VPUB: CVP, PCVP, Các phòng N/cứu, CBTH;
- Lưu: VT, P.KTTH Tien617.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đặng Văn Minh

BẢNG TÔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ VÀ THỰC HIỆN CÁC KIẾN NGHỊ CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUYÊN NSNN NĂM 2021

		Kết quả thực hiện các Kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, đồng phát độ										Tổng số đã xử lý												
STT	Tên đơn vị	Số, ngày của Báo cáo Kiểm toán nhà nước	Tổng số	1/ Tổng thu và thuế, phí và thu khác	2. Chi thu ghi chi	3/ Thu, chi và giảm cấp phát do chi sai chế độ				4/ Chuyển n QT năm sau	5/ Thu, chi kinh phí (thanh toán, chi chi)	6/ Điều chỉnh quyết toán, hủy dự toán, (các khoản hợp đồng, ... (các khoản khác))	Chi chi	Tổng số	1/ Tổng thu và thuế, phí và thu khác	2. Chi thu ghi chi	3/ Thu, chi và giảm cấp phát do chi sai chế độ				4/ Chuyển n QT năm sau	5/ Thu, chi kinh phí (thanh toán, chi chi)	6/ Điều chỉnh quyết toán, hủy dự toán, (các khoản hợp đồng, ... (các khoản khác))	Chi chi
						Tổng	Thu, chi nộp NSNN	Chiếm thành toán	Tổng								Thu, chi nộp NSNN	Chiếm thành toán	Tổng	Thu, chi nộp NSNN				
1		2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	
	TỔNG SỐ (1+10)		87.846.691.027	0	0	0	6.120.955.000	1.057.274.000	5.063.681.000	0	46.884.555.027	34.841.181.000	0	52.453.052.027	0	0	3.305.165.000	651.088.000	2.654.077.000	0	43.089.074.027	6.058.813.000		
A	Kiểm toán tại đơn vị (có mặt đúng liền quan đến các dự án sử dụng vốn đầu tư công ngoài NSNN năm 2021):	537/TKNN-TH ngày 07/9/2022	87.846.691.027	0	0	0	6.120.955.000	1.057.274.000	5.063.681.000	0	46.884.555.027	34.841.181.000	0	52.453.052.027	0	0	3.305.165.000	651.088.000	2.654.077.000	0	43.089.074.027	6.058.813.000		
I	Thu, chi, nộp NSNN các khoản chi sai quy định		1.057.274.000	0	0	0	1.057.274.000	1.057.274.000	0	0	0	0	0	651.088.000	0	0	651.088.000	651.088.000	0	0	0	0		
I	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi		37.216.000	0	0	0	37.216.000	37.216.000	0	0	0	0	0	37.216.000	0	0	37.216.000	37.216.000	0	0	0	0		
+	Kế không sai từ hồ biên bản Lễ Thiệu, xã Bình Trị, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi		5.862.000				5.862.000	5.862.000						5.862.000			5.862.000	5.862.000						
+	Hệ thống điện chiếu sáng đoạn Km1027 - Km1045+780 và cấp xanh tại nút Đắc Sơn, thuộc huyện Quốc lộ 1		31.354.000				31.354.000	31.354.000						31.354.000			31.354.000	31.354.000						
2	Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất huyện Nghĩa Hành		265.553.000	0	0	0	265.553.000	265.553.000	0	0	0	0	0	265.553.000	0	0	265.553.000	265.553.000	0	0	0	0		
+	Đầu tư khẩn cấp dự án tài chính cơ sở di dân các hộ dân bị ảnh hưởng tại bãi chôn lấp rác sinh hoạt Nghĩa Kỳ		136.220.000				136.220.000	136.220.000						136.220.000			136.220.000	136.220.000						
+	Khu dân cư Đông Đình, thị trấn Chợ Chùa		70.050.000				70.050.000	70.050.000						70.050.000			70.050.000	70.050.000						
+	Đường nối bộ cụm công nghiệp Đông Đình, huyện Nghĩa Hành		59.283.000				59.283.000	59.283.000						59.283.000			59.283.000	59.283.000						
3	Ban QLDA ĐTXD huyện Tư Nghĩa		135.788.000	0	0	0	135.788.000	135.788.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
+	Đường Bàu Giang - Nghĩa Hành, đoạn qua huyện Tư Nghĩa (giai đoạn 2)		14.458.000				14.458.000	14.458.000						0			0	0						
+	Đầu tư khẩn cấp kế chống sạt lở Sông Phil, huyện Tư Nghĩa		40.556.000				40.556.000	40.556.000						0			0	0						
+	Đường Bàu Giang - Nghĩa Hành, đoạn qua huyện Tư Nghĩa (giai đoạn 2)		41.904.000				41.904.000	41.904.000						0			0	0						
+	Đầu tư khẩn cấp kế chống sạt lở Sông Phil, huyện Tư Nghĩa		38.870.000				38.870.000	38.870.000						0			0	0						
4	Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất huyện Sơn Tây		101.598.000	0	0	0	101.598.000	101.598.000	0	0	0	0	0	101.598.000	0	0	101.598.000	101.598.000	0	0	0	0		
+	Cầu Tân Ngươn và đường vào hai đầu cầu		22.856.000				22.856.000	22.856.000						22.856.000			22.856.000	22.856.000						
+	Đường Trường Sơn Đông - Ba Mánh		18.075.000				18.075.000	18.075.000						18.075.000			18.075.000	18.075.000						
+	Cầu Tân An và Đường vào hai đầu cầu		31.937.000				31.937.000	31.937.000						31.937.000			31.937.000	31.937.000						
+	Cầu Nước Tang và đường vào hai đầu cầu		28.730.000				28.730.000	28.730.000						28.730.000			28.730.000	28.730.000						
5	Ban QLDA ĐTXD và phát triển quỹ đất huyện Trà Bồng		124.226.000	0	0	0	124.226.000	124.226.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
+	Nâng cấp mở rộng huyện đường Trà Bình ở Trà Tân, huyện Trà Bồng		17.281.000				17.281.000	17.281.000						0			0	0						
+	Đường Eo Châm - Trà Nhuan - Đắc Bình Minh		106.945.000				106.945.000	106.945.000						0			0	0						

		Kê toán nội bộ của Kê toán nhà nước đang chế độ										Tổng số đã xét lý									
STT	Tên đơn vị	Số, ngày của Báo cáo Kê toán nhà nước	Tổng số	1/Tổng thu và thuế, phí và thu khác	2/Ghi thu ghi chi	3/Tổng thu và giảm chi phát do chi sai chế độ	4/Chuyển n QT năm sau	5/Tổng thu hình phí thu hợp đồng, (cột lý khác)	Ghi chi	Tổng số	1/Tổng thu và thuế, phí và thu khác	2/Ghi thu ghi chi	3/Tổng thu và giảm chi phát do chi sai chế độ	4/Chuyển n QT năm sau	5/Tổng thu hình phí thu hợp đồng, (cột lý khác)	Ghi chi					
+	Sân thi đấu xã		134.428					134.428		134.428											
+	Sân vận động xã Bình Khương		1.603.000					1.603.000		1.603.000											
+	KCH Kênh từ Ngõ Thị - Xe Cháy		53.210.300					53.210.300		53.210.300											
+	KCH Kênh Học Bua - Rộc Bàu		714.731.000					714.731.000		714.731.000											
+	Kênh có hoa kênh Bàu Can - Cây Bàu;		18.955.000					18.955.000		18.955.000											
+	KCH Kênh BM/2-1-Đông Dài		20.298.000					20.298.000		20.298.000											
+	KCH Kênh từ đập Hồ Dương đến nhà Nguyễn Công Luận		46.066.000					46.066.000		46.066.000											
+	KCH kênh BM 2-4-1 - Thổ Huy		55.485.237					55.485.237		55.485.237											
+	KCH kênh B3-1-5-2		73.068.000					73.068.000		73.068.000											
+	Kênh có hoa kênh cầu ông Khánh đi đé ngân năn		177.939.800					177.939.800		177.939.800											
+	Kênh có hoa kênh nương Thạch		17.080.050					17.080.050		17.080.050											
+	Kênh có hoa kênh từ ao Cây Trâm - Kênh Lớn		1.428.756.000					1.428.756.000		1.428.756.000											
+	Kênh có hoa kênh từ Học Râm - Bàu Thượng		7.956.000					7.956.000		7.956.000											
+	Đập dâng Hồ Học Cung, xã bình Thuận		281.881.000					281.881.000		281.881.000											
+	Kênh Hồ Giảng Cầu - nhà Sa 5		1.000					1.000		1.000											
+	Dương xã tuyên ngổ nhà ông Trơn - ranh giới Bình An		2.868.000					2.868.000		2.868.000											
+	Dương xã tuyên trên Nghĩa Trang - Gò Múi U		28.824.800					28.824.800		28.824.800											
+	Dương thôn tuyên ông Phụng đến xóm ông Tào		152.000					152.000		152.000											
+	Tuyên từ 7/5 - Hồ Bình (Thôn Phước Hòa)		10.913.000					10.913.000		10.913.000											
+	Dương xã Tuyên Nhà ông Phạm Hùng - Nhà bà Nguyễn Thị Tr		202.535.000					202.535.000		202.535.000											
+	Dương xã Tuyên từ Nghĩa tư thôn Sơn Tra - Nhà bà Huỳnh Thị Đào		45.334.000					45.334.000		45.334.000											
+	Dương xã Tuyên công UBND xã - Nhà ông Ngổ Tung Lắm		138.456.000					138.456.000		138.456.000											
+	Dương xã Tuyên công UBND xã - xóm Bàu Nọc		186.806.000					186.806.000		186.806.000											
+	Dương xã Tuyên nhà bà Đỗ Thị Thanh - Khu di tích danh Mỹ đầu tiên		181.566.000					181.566.000		181.566.000											
+	Dương xã Tuyên nhà bà Võ Thị Mưng - nhà ông Hồ Viết En		31.323.000					31.323.000		31.323.000											
+	Dương xã 0,4 KV từ nhà bà Nguyễn Thị Bàu đến nhà ông Huỳnh Phước;		8.039.000					8.039.000		8.039.000											
+	thôn Thượng hòa																				
+	Dương xã 0,4 KV từ nhà ông Nguyễn Thanh Hương đến nhà ông Nguyễn Châu, thôn Thượng hòa		2.104.000					2.104.000		2.104.000											
+	Dương xã 0,4 KV từ nhà ông Nguyễn Cửu, thôn Thượng hòa		3.349.000					3.349.000		3.349.000											
+	Cấp nước sinh hoạt thôn Thượng Hòa		95.800.000					95.800.000		95.800.000											
+	Nâng cấp hồ tưới thượng UBND xã		15.692.735					15.692.735		15.692.735											
1,5	Huyện Mổ Dục		0					0		0											
+	Trường mầm non Dục Lợi, HM. 04		40.651.000					40.651.000		40.651.000											
+	phòng chức năng, nhà bếp																				
+	Trường tiểu học Dục Lợi, HM 6 phòng chức năng		227.040.000					227.040.000		227.040.000											
+	Trường THCS Dục Thăng		45.582.000					45.582.000		45.582.000											
+	KCH Kênh dâng Ba Tr		71.000.000					71.000.000		71.000.000											
+	KCH Kênh rão bà Hòa - Ao nước NH		81.000.000					81.000.000		81.000.000											
+	Tuyên đường ven biển khu dịch vụ Trưng Dương - Tron biển phòng Dục Lợi		15.554.000					15.554.000		15.554.000											
+	Dương thôn tuyên Lê Quốc Chu - Tổng Minh		4.684.000					4.684.000		4.684.000											

Kiến nghị của Kiểm toán nhà nước dùng chế độ																								
STT	Tên đơn vị	Số, ngày của Báo cáo Kiểm toán nhà nước	Tổng số	1/Tăng thu về thuế, phí và thu khác	2. Ghi thu ghi chi	3/Thu hồi và giảm cấp phát do chi sai chế độ			4/Chuyển QT năm sau	5/Thu hồi kinh phí thừa	6/Điều chỉnh quyết toán, hủy dự toán, Giám giá trị hợp đồng... (số lý khác)	Chi chủ	Tổng số	1/Tăng thu về thuế, phí và thu khác	2. Ghi thu ghi chi	3/Thu hồi và giảm cấp phát do chi sai chế độ			4/Chuyển QT năm sau	5/Thu hồi kinh phí thừa	6/Điều chỉnh quyết toán, hủy dự toán, Giám giá trị hợp đồng... (số lý khác)	Chi chủ		
+	HT nước sinh hoạt 3 thôn: Gia Hòa, Tân Định, Dương Quang		10.297.000	0						10.297.000	0		10.297.000								10.297.000			
1.6	Huyện Đức Phổ										0										0			
+	Trường TH Phổ Quang		15.650.000							15.650.000			15.650.000								15.650.000			
+	Trường THCS Phổ Quang		94.918.000							94.918.000			94.918.000								94.918.000			
+	Trạm bơm Đồng Đức + kênh dẫn (300m)		16.641.000							16.641.000			16.641.000								16.641.000			
+	KCH Tuyến kênh Đồng đối 2		152.379.000							152.379.000			152.379.000								152.379.000			
+	Kênh Xi phông đồng Ao đi giáp đường bê tông đi Đức Lân (Hiệp An)		78.972.000							78.972.000			78.972.000								78.972.000			
+	Kênh dọc phía Bắc đường nội đồng N2		5.696.000							5.696.000			5.696.000								5.696.000			
+	Tuyến QL1 A - Bãi biển Châu Me (Đoạn từ ĐH- Nghĩa trang Liệt Sĩ)		33.029.000							33.029.000	0		33.029.000								33.029.000			
1.7	Huyện Minh Long		0								0										0			
+	Trường THCS Long Sơn (sửa chữa phòng học, tường rào, cổng ngõ)		1.629.000							1.629.000			1.629.000								1.629.000			
+	NVH sân thể thao thôn Diếp Thượng		818.000							818.000			818.000								818.000			
+	NVH sân thể thao thôn Diếp Thương		18.809.000							18.809.000			18.809.000								18.809.000			
+	Khu thể thao xa Long Sơn		2.078.000							2.078.000			2.078.000								2.078.000			
+	Nâng cấp chợ trung tâm cụm xã Long Sơn		19.044.000							19.044.000			19.044.000								19.044.000			
+	Nhà văn hóa sân thể thao thôn Yên Nghĩa		2.136.000							2.136.000			2.136.000								2.136.000			
+	Nhà văn hóa sân thể thao thôn Gò Che		2.144.000							2.144.000			2.144.000								2.144.000			
+	Nhà văn hóa sân thể thao thôn Gò Tranh		20.027.000							20.027.000			20.027.000								20.027.000			
+	Nhà văn hóa sân thể thao thôn Bàu Qua		9.707.000							9.707.000			9.707.000								9.707.000			
+	Kiến cổ hóa kênh mương đồng Xoi		3.794.000							3.794.000			3.794.000								3.794.000			
+	Kênh Diếp Thượng		337.000							337.000			337.000								337.000			
+	Kênh Hồ Nhiêu - Ru Đit		22.649.000							22.649.000			22.649.000								22.649.000			
+	Dương xa tuyến tu trạm hạ the đen ho Ba Phi		3.504.000							3.504.000			3.504.000								3.504.000			
+	D.Thon: Nang cap duong Bai Vet - Go Tan		3.745.000							3.745.000			3.745.000								3.745.000			
+	Tuyen TL 628 Trường MG Làng Hình		3.013.000							3.013.000			3.013.000								3.013.000			
+	Nghĩa trang nhân dân Sơn Châu		26.393.000							26.393.000			26.393.000								26.393.000			
1.8	Nghĩa trang nhân dân Học Quẹo		1.168.000							1.168.000			1.168.000								1.168.000			
+	Huyện Ba Tr		0							0			0								0			
+	Tường rào Trường TH và THCS Ba Liên		733.000							733.000			733.000								733.000			
+	Trường tiểu học Ba Cung 04 phòng học		10.604.000							10.604.000			10.604.000								10.604.000			
+	Nhà văn hóa thôn Cây Muối		1.883.000							1.883.000			1.883.000								1.883.000			
+	KCH kênh mương Nước Khôn, thôn Gò Khôn		6.676.000							6.676.000			6.676.000								6.676.000			
+	Đ thôn: Tuyến Làng Dút II đi Mang Tương (nối tiếp)		120.000							120.000			120.000								120.000			
+	Đ xã: Nối tiếp BTXM tuyến từ cầu treo - Suối Nước Lầy		33.350.000							33.350.000			33.350.000								33.350.000			
+	Đ thôn: Nối tiếp BTXM tuyến QL24 (Km38+150) - Tg 2 Kach Lang		19.351.000							19.351.000			19.351.000								19.351.000			
+	Đ xã: Nối tiếp đường BTXM QL24 thôn Kấy		977.000							977.000			977.000								977.000			
+	Đ thôn: Tuyến suối Ôn - Bể nước sạch		37.576.000							37.576.000			37.576.000								37.576.000			
+	Đ thôn: Tuyến từ trường học thôn Đồng Váo - làng Thanh niên lập nghiệp		62.415.000							62.415.000			62.415.000								62.415.000			
+	Đ xã: Nối tiếp Tuyến QL24 đi thôn Nước Tia		635.000							635.000			635.000								635.000			
+	Nước sinh hoạt tự chảy thôn Gò Ghềm		54.938.000							54.938.000			54.938.000								54.938.000			
1.9	Huyện Trà Bồng		0							0			0								0			
+	Nhà văn hóa thôn Môn		29.683.000							29.683.000			29.683.000								29.683.000			
+	Đ. Thôn: tuyến đường nhà ông A- ông Việt		9.195.800							9.195.800			9.195.800								9.195.800			

		Kế toán nghiệp vụ của Kế toán toàn nhà nước đang chế độ										Tổng số đã xử lý									
STT	Tên đơn vị	Số, ngày của Báo cáo Kế toán nhà nước	Tổng số	1/Trang thu về thuế phí và thu khác	2 Ghi thu ghi chi	3/Thu hồi và giảm cấp phát do chi sai chế độ	4/Chuyển Q/T năm sau	5/Thu hồi kinh phí nhà	6/Đầu chỉnh quyết toán, thu nộp nợ nước, (còn lại khác)	Chi chi	Tổng số	1/Trang thu về thuế phí và thu khác	2 Ghi thu ghi chi	3/Thu hồi và giảm cấp phát do chi sai chế độ	4/Chuyển n Q/T năm sau	5/Thu hồi kinh phí nhà	6/Đầu chỉnh quyết (còn lại khác)	Ghi chi			
+	Đường dây 0 4 KV từ QL 24C đến khu kinh tế đối 10, thôn Phú Hòa		40.580.000					40.580.000			40.580.000					40.580.000					
+	Đường dây 0 4 KV từ nhà ông Lâm đến nhà ông Năm Xuy		237.000					237.000			237.000					237.000					
+	Đường dây 0 4 KV từ nhà ông Hạnh đến nhà ông Nhứt Kinh tế Phú Tài		62.000					62.000			62.000					62.000					
+	Đường dây 0 4 KV từ trạm biến áp số 4 đến nhà ông Trần Quang Vinh		199.000					199.000			199.000					199.000					
+	Đường dây 0 4 KV từ trụ hạ thế ruộng của Miếu đến nhà ông Trình		1.182.000					1.182.000			1.182.000					1.182.000					
+	Nước Sinh hoạt suối Lãng		84.147.000					84.147.000			84.147.000					84.147.000					
2	Chương trình 30a		4.714.409.000					4.714.409.000			4.714.409.000					4.714.409.000					
2.1	Huyện Sơn Hà		0					0			0					0					
+	Đường Hà Bắc - Đèo Róm		3.362.000					3.362.000			3.362.000					3.362.000					
+	Đường Sơn Nham - Sơn Kỳ (ĐH 72)		1.000					1.000			1.000					1.000					
+	Đường Mĩ Sơn Sơn Kỳ		2.201.000					2.201.000			2.201.000					2.201.000					
+	Đường TH Sơn Hà số II (điểm Gò Gra)		32.000					32.000			32.000					32.000					
+	Đường TH Sơn Linh (điểm Đồng A)		1.002.000					1.002.000			1.002.000					1.002.000					
+	Đường THCS Sơn Hà		189.000					189.000			189.000					189.000					
+	Đường THCS Sơn Linh		4.401.000					4.401.000			4.401.000					4.401.000					
+	Trạm y tế Sơn Giang		87.139.000					87.139.000			87.139.000					87.139.000					
+	Trạm y tế Sơn Thương		416.186.000					416.186.000			416.186.000					416.186.000					
+	Năng cấp Trạm Y tế Sơn Kỳ		965.000					965.000			965.000					965.000					
+	Nhà văn hóa xã Sơn Thương		19.200.000					19.200.000			19.200.000					19.200.000					
+	Nhà văn hóa xã Sơn Ba		478.000					478.000			478.000					478.000					
+	Kế hoạch vốn kéo dài điều chỉnh chưa phân khai		1.826.909.000					1.826.909.000			1.826.909.000					1.826.909.000					
2.2	Huyện Minh Long		0					0			0					0					
+	Trường tiểu học Long Mai II		40.445.000					40.445.000			40.445.000					40.445.000					
+	Trường Mẫu giáo Long Mai		37.167.000					37.167.000			37.167.000					37.167.000					
2.3	Huyện Trà Bồng		0					0			0					0					
+	Trường TH và THCS Trà Lâm (Trường PTDTBT TH và THCS Trà Lâm)		116.569.000					116.569.000			116.569.000					116.569.000					
+	Năng cấp mở rộng tuyến đường từ UBND xã đi đối 3, thôn Trà Vèo (đường nội vùng lòng Hồ Nước Trong) nối tiếp		51.039.000					51.039.000			51.039.000					51.039.000					
+	Đường TL622 đi Thạch Bích		15.170.000					15.170.000			15.170.000					15.170.000					
+	Trường tiểu học Trà Lâm		3.000					3.000			3.000					3.000					
+	Trường THCS Trương Ngọc Khang		42.800.000					42.800.000			42.800.000					42.800.000					
+	Trạm y tế xã Trà Sơn		118.161.000					118.161.000			118.161.000					118.161.000					
+	Đường Quốc lộ 24C đi thôn 1, xã Trà Thủy (tuyến Quốc lộ 24C đi số 3, số 2 thôn 1)		25.103.000					25.103.000			25.103.000					25.103.000					
+	Đường UBND xã Trà Giang đi róc Ông Bình, thôn 2 (hàng mìn Cầu treo)		47.177.000					47.177.000			47.177.000					47.177.000					
+	Năng cấp mở rộng tuyến đường đi số 5, thôn Trà Xuân, xã Sơn Trà		179.749.000					179.749.000			179.749.000					179.749.000					
+	Đường BTXM từ nhà bà Lý để xóm Ka tét, thôn Trà Nhủ xã Trà Phong		77.676.000					77.676.000			77.676.000					77.676.000					
+	Kế hoạch vốn kéo dài điều chỉnh chưa phân khai		300.069.000					300.069.000			300.069.000					300.069.000					
2.4	Huyện Bình Sơn		0					0			0					0					
+	Trường mẫu giáo thôn Phước Thiện		35.990.000					35.990.000			35.990.000					35.990.000					
+	Trường mẫu giáo xã Bình Đông		916.986.000					916.986.000			916.986.000					916.986.000					
+	Nhà văn hóa thôn Mỹ Tân		12.982.000					12.982.000			12.982.000					12.982.000					
+	KCH kênh mương Dõ Hùng - giáp Tỉnh Hòa		15.703.000					15.703.000			15.703.000					15.703.000					
2.5	Huyện Đức Phổ		0					0			0					0					
+	Đường Nhà ông bàn đến giáp đường tỉnh lộ 267B		5.126.000					5.126.000			5.126.000					5.126.000					
+	Xây dựng công trình nước sinh hoạt thôn Châu Mè		1.981.000					1.981.000			1.981.000					1.981.000					
2.6	Huyện Ba Tơ		0					0			0					0					

STT		Tên đơn vị	Số, ngày của Báo cáo Kiểm toán nhà nước	Kết quả của Kiểm toán nhà nước đúng chế độ					Tổng số đã xử lý										
				Tổng số	1/Tăng thu về thuế, phí và thu khác	2. Ghi thu ghi chi	3/Thu lãi và giảm cấp phát do chi sai chế độ	4/Chuyển n QT năm sau	5/Thu lãi tính phí thừa	6/Điều chỉnh quyết toán, hủy dự toán, Giám giá trị hợp đồng... (cơ lý khác)	Chi chủ	Tổng số	1/Tăng thu về thuế, phí và thu khác	2. Ghi thu ghi chi	3/Thu lãi và giảm cấp phát do chi sai chế độ	4/Chuyển n QT năm sau	5/Thu lãi tính phí thừa	6/Điều chỉnh quyết toán, hủy dự toán, Giám giá trị hợp đồng... (cơ lý khác)	Ghi chú
+		Trường PTDĐT TH và THCS Ba Trang, hạng mục: Nhà lớp học 08 phòng 02 tầng + Nhà vệ sinh		17.668.000					17.668.000			17.668.000					17.668.000		
+		Nhà văn hóa xã Ba Trang		10.099.000					10.099.000			10.099.000					10.099.000		
+		Nhà văn hóa xã Ba Tiểu		7.038.000					7.038.000			7.038.000					7.038.000		
+		Bếp Nước Đọt, xã Ba Bích		3.698.000					3.698.000			3.698.000					3.698.000		
+		KCH Kênh Máng Mít		249.089.000					249.089.000			249.089.000					249.089.000		
+		Bếp dâng Nước Cam		2.770.000					2.770.000			2.770.000					2.770.000		
3		Chương trình 135		21.928.000					21.928.000			21.928.000					21.928.000		
				1.852.338.368					1.852.338.368			1.852.338.368					1.852.338.368		
3.1		Huyện Trà Bồng		0					0			0					0		
+		Xây mới Thủy lợi NaLa Ngư		43.561.000					43.561.000			43.561.000					43.561.000		
+		Thủy lợi Nà Tra Móc, thôn Trà Bao		19.691.000					19.691.000			19.691.000					19.691.000		
+		Tuyến đường từ nhà Bà Thành đi cầu Bông Bộc		2.134.000					2.134.000			2.134.000					2.134.000		
+		Tuyến đường từ nhà Bà Châu đi nhà Ông Nguyễn Thanh Quang (P.Hóa)		21.518.000					21.518.000			21.518.000					21.518.000		
+		BTXM từ nhà ông Phan Thanh Chung đi Gò Bông Chính		7.223.000					7.223.000			7.223.000					7.223.000		
+		NT đường BTXM từ TL 622b - thôn Trà Hoa		10.714.000					10.714.000			10.714.000					10.714.000		
+		Nối tiếp đường BTXM từ TL 622 tổ 1 Sơn Bàn đi tổ 2 Sơn Bàn		14.910.600					14.910.600			14.910.600					14.910.600		
+		Đường BTXM từ rãnh lộ 622 tổ 2,3 thôn Ká Tĩnh (giai đoạn 2)		26.359.000					26.359.000			26.359.000					26.359.000		
+		Đường BTXM từ nhà Sinh hoạt Thôn 3 đi ruộng Ông Su		28.219.000					28.219.000			28.219.000					28.219.000		
+		BTXM tuyến đường từ Tỉnh lộ 622B đi Cầu treo Trà Thọ (nối tiếp)		19.094.000					19.094.000			19.094.000					19.094.000		
+		BTXM ngã ba đường Trà Nham -Tổ 3 thôn Trà Lương		12.883.000					12.883.000			12.883.000					12.883.000		
+		Nâng cấp tuyến đường Lý Thanh Tung - Hồ Văn Biên-Hồ Văn Dớt		30.360.000					30.360.000			30.360.000					30.360.000		
+		Tuyến ngã ba đường huyện đi Suối Dinh		15.356.000					15.356.000			15.356.000					15.356.000		
+		BTXM nối tiếp nhà ông Hồ Văn Xanh đi tổ 3 thôn Trà Xanh		30.527.000					30.527.000			30.527.000					30.527.000		
+		BTXM tổ 7, 8 thôn Vàng nối tiếp đi nhà ông Hồ Văn Xanh		5.367.768					5.367.768			5.367.768					5.367.768		
+		BTXM tuyến đường khu TĐC Núi Vác		146.202.000					146.202.000			146.202.000					146.202.000		
+		Đường từ tổ 7 đến tổ 8 thôn Trà Ông (NT)		21.399.000					21.399.000			21.399.000					21.399.000		
+		BTXM UBND xã đi thôn Đồng		20.023.000					20.023.000			20.023.000					20.023.000		
3.2		Huyện Sơn Hà		0					0			0					0		
+		Đường BTXM vào KDC Đồi Gù		27.828.000					27.828.000			27.828.000					27.828.000		
+		Đường BTXM ngã ba Bô Rêu đi ngã ba xóm ông Mèo (nối tiếp)		879.000					879.000			879.000					879.000		
3.3		Huyện Minh Long		0					0			0					0		
+		Tuyến đường giao dân nhà ông Liêu - san bong da thôn		3.539.000					3.539.000			3.539.000					3.539.000		
+		Bê tông hóa đường từ Mai Hiệp An đến khu dân cư Takatu		1.615.000					1.615.000			1.615.000					1.615.000		
+		Nâng cấp sưa chua tuyến đường trực thôn Đức Ai		1.586.000					1.586.000			1.586.000					1.586.000		
+		Đường từ nhà ông Ru đến khu dân cư Takatu		1.592.000					1.592.000			1.592.000					1.592.000		
+		Bê tông hóa đường cấp đoạn 10 (GD2)		3.783.000					3.783.000			3.783.000					3.783.000		
+		Đường GTNT xóm Trà Huỳnh -Cổng Loant(Đoạn nhà ở Xe - s PG, nhà ở Kéo - nhà ở Kỳ)		8.000					8.000			8.000					8.000		
+		Thống tuyến đường Làng Vang - Ru Trắc(GB/HM: Nền đường - thoát nước		6.404.000					6.404.000			6.404.000					6.404.000		

			Kế toán nghiệp vụ của Kế toán nhân nhà nước đang chế độ										Tổng số đã xử lý									
STT	Tên đơn vị	Số, ngày của Báo cáo Kế toán nhà nước	Tổng số	1/Tổng thu và thuế phí và thu khác	2/Chi thu giữ chi	3/Tổng bù và giảm cấp phát do chi sai chế độ		4/Chuyển QT năm sau	5/Tổng bù kinh phí thôn hợp đồng, (cột 5 khác)	Chi chi	Tổng số	1/Tổng thu và thuế phí và thu khác	2/Chi thu giữ chi	3/Tổng bù và giảm cấp phát do chi sai chế độ		4/Chuyển QT năm sau	5/Tổng bù kinh phí thôn hợp đồng, (cột 5 khác)	Chi chi				
+	Đường cầu suối Eo đến TD 13, HMT		55.955.000						55.955.000		55.955.000						55.955.000					
3.4	Nhà, mặt đường và thoát nước		0						0		0						0					
+	Huyện Ba Tư																					
+	Nâng cấp Nhà văn hóa xã		33.359.000						33.359.000		33.359.000						33.359.000					
+	Nâng cấp kênh mương Mang Lác		96.000						96.000		96.000						96.000					
+	Nâng cấp kênh mương Nước Khôn thôn		48.000						48.000		48.000						48.000					
+	Gò Khôn																					
+	Tuyến kênh Nước Cam - thôn Đồng		67.000						67.000		67.000						67.000					
+	Tiền																					
+	Kênh nội đồng Cây Muối		5.433.000						5.433.000		5.433.000						5.433.000					
+	Nội tiếp kênh Long Di		26.152.000						26.152.000		26.152.000						26.152.000					
+	Kênh Đồng Thù		35.955.000						35.955.000		35.955.000						35.955.000					
+	Nội tiếp BTXM đường GTNT tuyến QL24 (km35+400) - TĐ 3 Đồng Đình		24.376.000						24.376.000		24.376.000						24.376.000					
+	Nội tiếp BTXM đường thôn Mang Mù		33.492.000						33.492.000		33.492.000						33.492.000					
+	đi Máng Đen																					
+	Nội tiếp đường BTXM từ Va Ka Nóc đi rổ 4 Gò Pa Nu		19.783.000						19.783.000		19.783.000						19.783.000					
+	Nội tiếp Đường BTXM từ UBND xã - Làng Vở		19.610.000						19.610.000		19.610.000						19.610.000					
3.5	Huyện Sơn Tây		0						0		0						0					
+	Đường BTXM xóm ông Dưa đi Máng Rìn		1.000.000.000						1.000.000.000		1.000.000.000						1.000.000.000					
+	Kế hoạch vốn kéo dài điều chỉnh chữa phân khai		37.854.000						37.854.000		37.854.000						37.854.000					
4	Nguồn hỗ trợ cá mực tiêu	24.224.630.025							24.224.630.025		24.224.630.025						24.224.630.025					
4.1	Nguồn vốn hoàn trả ứng trước		0						0		0						0					
+	Kế hoạch vốn chữa phân khai		49.895.573						49.895.573		49.895.573						49.895.573					
4.2	Nguồn vốn bổ trợ các dự án trọng điểm, kết nối, có tác động liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững		0						0		0						0					
a	Sở Nông nghiệp và PTNT		0						0		0						0					
+	Dự án nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Quảng Ngãi		64.574.200						64.574.200		64.574.200						64.574.200					
b	Ban QLBTXD các công trình giao thông tỉnh		0						0		0						0					
+	Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh		1.915.000.000						1.915.000.000		1.915.000.000						1.915.000.000					
c	Huyện Bình Sơn		0						0		0						0					
+	Đường tránh từ Bình Minh - Bình Khương (Quyết định số 1041/QĐ-UBND ngày 27/12/2019)		1.241.274.000						1.241.274.000		1.241.274.000						1.241.274.000					
d	Sở Công Thương		0						0		0						0					
+	Dự án Cấp điện nông thôn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2013-2020		3.098.620						3.098.620		3.098.620						3.098.620					
4.3	Nguồn vốn trả phiếu chỉnh phủ		0						0		0						0					
a	Ban QLBTXD các công trình giao thông tỉnh		0						0		0						0					
+	Hợp phần di dân, tái định cư Hồ chứa nước Nước trong		737.000						737.000		737.000						737.000					
4.4	Vốn nước ngoài (Giải ngân theo cơ chế trong nước)		0						0		0						0					
a	Ban QLXD các công trình giao thông tỉnh		1.000						1.000		1.000						1.000					
+	Xây dựng tuyến đường biển thôn Thanh Đức, xã Phú Thạnh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi		1.000						1.000		1.000						1.000					
b	Sở Công Thương		0						0		0						0					
+	Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2018-2020 (EU)		14.416.217.632						14.416.217.632		14.416.217.632						14.416.217.632					
4.5	Nguồn Vốn TW bổ sung		0						0		0						0					
a	QĐ số 2041/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 của UBND tỉnh		0						0		0						0					

STT	Tên đơn vị	Số, ngày của Báo cáo Kiểm toán nhà nước	Kế toán nội bộ						Tổng số tài sản					
			Tổng số	1/Trang thu và thu khác	2/Chi thu	3/Tên tài khoản chi phí	4/Chuyển khoản	5/Tên tài khoản chi phí	6/Đầu ghi sổ	7/Tên thu và thu khác	8/Chi thu	9/Tên tài khoản chi phí	10/Chuyển khoản	11/Đầu ghi sổ
III	Giảm dự toán, giảm thanh toàn năm sau		5.063.681.000	0	0	5.063.681.000	0	5.063.681.000	0	5.063.681.000	0	5.063.681.000	0	0
1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi		443.171.000	0	0	443.171.000	0	443.171.000	0	443.171.000	0	443.171.000	0	0
+	Hệ thống điện chiếu sáng đoạn Km1027 - Km1045+780 và cây xanh tại nút Đốc Sỏi, thuộc tuyến Quốc lộ 1		121.277.000			121.277.000		121.277.000		121.277.000		121.277.000		
+	Kênh tiêu, thoát nước Từ Ty (đoạn qua phường Quảng Phú)		72.656.000			72.656.000		72.656.000		72.656.000		72.656.000		
+	Các tuyến đường huyện Lộ Sơn (giai đoạn 1)		249.238.000			249.238.000		249.238.000		249.238.000		249.238.000		
2	Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất huyện Nghĩa Hành		1.117.033.000	0	0	1.117.033.000	0	1.117.033.000	0	1.117.033.000	0	1.117.033.000	0	0
+	Đường tránh Đông huyện Nghĩa Hành		362.995.000			362.995.000		362.995.000		362.995.000		362.995.000		
+	Khu dân cư dọc đường tỉnh lộ 213		51.267.000			51.267.000		51.267.000		51.267.000		51.267.000		
+	Năng cấp, mở rộng Công viên 2/3		90.066.000			90.066.000		90.066.000		90.066.000		90.066.000		
+	Cầu Hàng Phước - Hàng Thành		599.408.000			599.408.000		599.408.000		599.408.000		599.408.000		
+	Đường Tân Hòa - Trảng Ké 1 - Trảng Ké II, huyện Nghĩa Hành		13.297.000			13.297.000		13.297.000		13.297.000		13.297.000		
3	Ban QLDA ĐTXD huyện Tư Nghĩa		1.213.152.000	0	0	1.213.152.000	0	1.213.152.000	0	1.213.152.000	0	1.213.152.000	0	0
+	Cầu Phú thuộc huyện đường cụm công nghiệp La Hà, huyện Tư Nghĩa cũ		8.816.000			8.816.000		8.816.000		8.816.000		8.816.000		
+	Khu dân cư dọc đường Cụm Công nghiệp La Hà - Nghĩa Thuận		368.170.000			368.170.000		368.170.000		368.170.000		368.170.000		
+	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở thị trấn La Hà, huyện Tư Nghĩa		473.816.000			473.816.000		473.816.000		473.816.000		473.816.000		
+	Kế hoạch cải tạo khu dân cư thị trấn Sông Vệ, huyện Tư Nghĩa		294.291.000			294.291.000		294.291.000		294.291.000		294.291.000		
+	Đường cụm công nghiệp La Hà - Nghĩa Thuận, huyện Tư Nghĩa		68.039.000			68.039.000		68.039.000		68.039.000		68.039.000		
4	Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất huyện Sơn Tây		643.682.000	0	0	643.682.000	0	643.682.000	0	643.682.000	0	643.682.000	0	0
+	Đường Sơn Liên - Cầu Trà Mỏ, huyện Sơn Tây		57.136.000			57.136.000		57.136.000		57.136.000		57.136.000		
+	Đường đô thị 02 (Quảng trường - DT 05) huyện Sơn Tây		586.546.000			586.546.000		586.546.000		586.546.000		586.546.000		
5	Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất huyện Trà Bồng		132.137.000	0	0	132.137.000	0	132.137.000	0	132.137.000	0	132.137.000	0	0
+	Đường Trà Tân - Trà Nham, huyện Trà Bồng		45.603.000			45.603.000		45.603.000		45.603.000		45.603.000		
+	Tuyến đường số 2 trung tâm huyện lý Tây Trà		55.045.000			55.045.000		55.045.000		55.045.000		55.045.000		
+	Năng cấp, mở rộng tuyến đường Ngã 3 Trà Xuân đi thôn Trà Ô, xã Trà Xuân		31.489.000			31.489.000		31.489.000		31.489.000		31.489.000		
6	Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Thành phố Quảng Ngãi		355.811.000	0	0	355.811.000	0	355.811.000	0	355.811.000	0	355.811.000	0	0
+	Đường vào nhà máy xử lý rác Đông Nà		14.190.000			14.190.000		14.190.000		14.190.000		14.190.000		
+	Xây dựng cầu Hùng Nhon (nối thôn Hâm Long và thôn Hâm An), xã Nghĩa Hà		268.726.000			268.726.000		268.726.000		268.726.000		268.726.000		
+	Năng cấp, chỉnh trang tuyến đường Lê Lợi		20.326.000			20.326.000		20.326.000		20.326.000		20.326.000		

[illegible]

STT	Tên đơn vị	Số, ngày của Báo cáo tài chính năm tài chính	Kế toán nghiệp vụ của Kế toán nhà nước, đồng, chế độ				Tổng số và tỷ lệ			
			Tổng số	1/Tổng thu và thuế, phí và thu khác	2/Chi thu và chi khác	3/Tổng thu và chi và khoản cấp phát	4/Chiếu n QT	5/Tổng thu và chi và khoản cấp phát	6/Tổng thu và chi và khoản cấp phát	7/Tổng thu và chi và khoản cấp phát
+	Câu Phi nước ngoài được cấp phát		295.955.000							
+	Khu dân cư được cấp phát		95.545.000							
+	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở thị trấn La Hà, huyện Tư Nghĩa		2.063.576.000							
+	Kế hoạch sai to khu dân cư thị trấn Sông Vệ, huyện Tư Nghĩa		794.627.000							
+	Đường trục chính phía tây trung tâm thị trấn Sông Vệ, huyện Tư Nghĩa		1.420.358.000							
+	Đường trục chính phía tây trung tâm thị trấn Sông Vệ, huyện Tư Nghĩa		44.171.000							
+	Ban QLDA BTXD và phát triển quỹ đất huyện Sơn Tây		201.020.000							
+	Đường số 02 (Quảng trường - DT 05) huyện Sơn Tây		201.020.000							
5	Ban QLDA BTXD và phát triển quỹ đất TP Quảng Ngãi		389.722.000							
+	Đường vào nhà máy xử lý rác Đông Hà		191.712.000							
+	Nâng cấp, chỉnh trang đô thị thành phố Quảng Ngãi (tuyến đường Hải Bà Trưng - đoạn từ đường Quang Trung đến Nguyễn Chí Thanh)		198.010.000							
6	Ban QLDA BTXD và phát triển quỹ đất huyện Mộ Đức		1.126.085.000							
+	Tuyến đường Quốc lộ 1A - Đà Bắc		146.172.000							
+	Tuyến đường Đông thị trấn (đường nội thị), huyện Mộ Đức		160.653.000							
+	Đường vào rừng láit trắng tại bờ sông Vĩnamlik Quảng Ngãi		272.099.000							
+	Hệ thống tiêu nước nội các xã Đức Minh, Đức Phong, Đức Thắng, huyện Mộ Đức		49.074.000							
+	Chỉnh trang và hệ thống tiêu nước nội các xã Đức Minh, Đức Phong, Đức Thắng, huyện Mộ Đức		498.087.000							
V	Xử lý nước		24.596.174.000							
V/1	Pha kết hợp ứng dụng		10.543.590.000							
1	Huyện Mộ Đức		6.824.590.000							
+	Tuyến đầu nối các tuyến đường nội thị		2.196.480.000							
+	Kế hoạch sai to khu dân cư và khu dân cư xã, khu dân cư xã và khu dân cư xã		87.110.000							
+	XD hạ tầng cụm công nghiệp Quan Lát		1.811.000.000							
+	Dự án đường Quốc lộ 1A - Đông Thị trấn Mộ Đức (mục 5)		901.000.000							
+	Trường THCS Đức Chánh		954.000.000							
+	Dự án khu dân cư Tân Phú xã Đức Lợi		153.000.000							
+	Khu thương mại và khu dân cư Nam Quan Hồng		722.000.000							
2	Thị xã Đức Phổ		3.719.000.000							
+	Dự án TD từ Nguyễn Nghiêm (TDP3) đến đường Nguyễn Bình Khiêm (TDP 4)		300.000.000							

BẢNG TÔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ VÀ THỰC HIỆN CÁC KIẾN NGHỊ CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NSNN TỪ NĂM 2020 TRỞ VỀ TRƯỚC

Biểu số 02

STT		Tên đơn vị	Số, ngày của Báo cáo Kiểm toán nhà nước	Kết quả của Kiểm toán nhà nước đúng chế độ																		Tổng số đã xử lý										Đơn vị, đóng	
				Tổng số	1/Tổng thu và thuế, phí và thu khác	2. Chi thu phí chi	3/Thu kết và giảm cấp phát do chỉ sai chế độ				4/Chuyển n QT nhận sau	1/Tổng thu và thuế, phí và thu khác	6/Đưa chính quyết toán, hủy dự toán, Giám sát và hợp đồng... (cơ lý khác)	Tổng số	1/Tổng thu và thuế, phí và thu khác	2. Chi thu phí chi	3/Thu kết và giảm cấp phát do chỉ sai chế độ				4/Chuyển n QT nhận sau	5/Thu kết tính phí thừa	6/Đưa chính quyết toán, hủy dự toán, Giám sát và hợp đồng... (cơ lý khác)	Chi chi									
							Tổng	Thu kết hợp NSNN	Giảm thành toán	10							11	12	14	15					16	17	18	19	20	21	22		23
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23												
		TỔNG SỐ	120.132.823,660	0	0	17.980.981,610	9.250.336,869	8.730.044,741	0	30.136.056,091	72.015.785,959	34.058.372,336	0	0	7.796.087,083	1.356.121,491	6.439.965,592	0	372.263,000	26.790.022,253													
A		Kiểm toán NSDP niên độ 2020	369/KTN-TH ngày 31/12/2021	28.439.769,122	0	0	798.357,000	352.535,000	445.822,000	0	372.263,000	27.269.149,122	12.526.212,000	0	0	565.335,000	329.134,000	236.201,000	0	372.263,000	11.588.614,000												
A.1		Kiểm toàn tại đơn vị (cá biệt) dùng làm quan dân các dự án sử dụng vốn đầu tư công nguồn NSNN năm 2020):		28.439.769,122	0	0	798.357,000	352.535,000	445.822,000	0	372.263,000	27.269.149,122	12.526.212,000	0	0	565.335,000	329.134,000	236.201,000	0	372.263,000	11.588.614,000												
I		Thu kết hợp NSNN các khoản chi sai chế độ		352.535,000	0	0	352.535,000	352.535,000	0	0	0	0	0	0	0	329.134,000	329.134,000	0	0	0	0												
1		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi		211.015,000	0	0	211.015,000	211.015,000	0	0	0	0	0	0	0	187.614,000	187.614,000	0	0	0	0												
+		Sửa chữa, cải tạo, mở rộng khu điều trị mới nội trú 4 tầng của Bệnh viện y học cổ truyền tỉnh Quảng Ngãi		28.672,000			28.672,000	28.672,000								28.672,000	28.672,000																
+		Sửa chữa, nâng cấp Trường THPT số 1 Đức Phổ - Khối hành chính, thu viện và phòng truyền thống		15.656,000			15.656,000	15.656,000								15.656,000	15.656,000,0																
+		Nâng cấp, sửa chữa bệnh viện đa khoa tỉnh		85.005,000			85.005,000	85.005,000								85.005,000	85.005,000,0																
+		Trường THPT chuyên Lê Khôi - Cải tạo, XD phòng học, các hạng mục khác yêu cầu tiêu chuẩn trường chuyên (giai đoạn 1)		81.682,000			81.682,000	81.682,000								58.281,000	58.281,000,0																
2		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi		123.779,000	0	0	123.779,000	123.779,000	0	0	0	0	123.779,000	0	0	123.779,000	123.779,000	0	0	0	0												
+		Đập ngăn mặn Bình Nguyên và Bình Phước		123.779,000			123.779,000	123.779,000								123.779,000	123.779,000																
3		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất TP Quảng Ngãi		17.741,000	0	0	17.741,000	17.741,000	0	0	0	0	17.741,000	0	0	17.741,000	17.741,000	0	0	0	0												
+		Dương Tô Hiến Thành (Đoạn Trường Định - Trãi Quốc Toàn)		17.741,000			17.741,000	17.741,000								17.741,000	17.741,000																
II		Giảm thành toán, giảm dự toán		445.822,000	0	0	445.822,000	0	445.822,000	0	0	0	236.201,000	0	0	236.201,000	0	236.201,000	0	0	0												
1		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi		324.436,000	0	0	324.436,000	0	324.436,000	0	0	0	236.201,000	0	0	236.201,000	0	236.201,000	0	0	0												
+		Bệnh viện y học cổ truyền tỉnh		168.648,000			168.648,000	168.648,000								168.648,000	168.648,000																
+		Trường THPT Lê Trọng Đình (giai đoạn 2)		88.235,000			88.235,000	88.235,000					0			0																	
+		Khu du lịch văn hóa Thiên Ân		67.553,000			67.553,000	67.553,000					67.553,000			67.553,000	67.553,000																
2		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi		31.502,000	0	0	31.502,000	0	31.502,000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0												
+		Đập ngăn mặn Bình Nguyên và Bình Phước		31.502,000			31.502,000		31.502,000				0			0																	
3		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất TP Quảng Ngãi		89.884,000	0	0	89.884,000	0	89.884,000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0												

Đơn vị: đồng

STT	Tên đơn vị	Số, ngày của Báo cáo kiểm toán nhà nước	Kết quả của kiểm toán nhà nước đúng chế độ					Tổng số đã xử lý					Ghi chú			
			Tổng số	1/Tổng thu về thuế, phí	2. Chi thu ghi sai	3/Thu hồi và giảm cấp phát do chỉ sai chế độ	4/Chuyển sang QT	5/Thu hồi kinh phí thừa	6/Điều chỉnh quyết toán, hủy dự toán, Giảm giá trị hợp	Tổng số	1/Tổng thu về thuế, phí	2. Chi thu ghi sai		3/Thu hồi và giảm cấp phát do chỉ sai chế độ	4/Chuyển sang QT	5/Thu hồi kinh phí thừa
+	Khu dân cư Nghĩa Phú (Giai đoạn 2)		17.369.000			17.369.000					0					
+	Khu đô thị mới phục vụ tái định cư Khu II Đê bao, thành phố Quảng Ngãi		72.515.000			72.515.000					0					
III Giảm giá trị hợp đồng																
1	Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi		1.375.795.000	0	0	0	0	0	1.375.795.000	930.515.000	0	0	0	0	0	930.515.000
+	Khu du lịch văn hóa Thiên An		228.367.000	0	0	0	0	0	228.367.000	228.367.000	0	0	0	0	0	228.367.000
			61.790.000						61.790.000	61.790.000						61.790.000
+	Trường THPT Lê Trung Đình (gđ2)		166.577.000						166.577.000	166.577.000						166.577.000
2	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất TP Quảng Ngãi		1.147.428.000	0	0	0	0	0	1.147.428.000	702.148.000	0	0	0	0	0	702.148.000
+	Cầu an Phú qua sông Phú Thọ thành phố Quảng Ngãi		706.723.000			0			706.723.000	702.148.000						702.148.000
+	Khu dân cư Nghĩa Phú (Giai đoạn 2)		66.375.000			0			66.375.000	0						
+	Khu đô thị mới phục vụ tái định cư Khu II Đê bao, thành phố Quảng Ngãi		230.765.000			0			230.765.000	0						
+	Đường Tô Hiến Thành (Đoạn Trường Định - Trần Quốc Toản)		143.565.000			0			143.565.000	0						
IV Xử lý tài chính khác																
1	Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi		25.667.299.122	0	0	0	0	0	25.667.299.122	10.516.913.000	0	0	0	0	0	10.516.913.000
+	Thu hồi tạm ứng do dự án dừng thực hiện (Dự án Công viên tỉnh Quảng Ngãi - HMT; Đường trục phía Nam Công viên)		5.478.599.691			0		0	5.478.599.691	4.360.813.000						4.360.813.000
+	Thu hồi tạm ứng do dự án dừng thực hiện (Dự án Khu liên hợp Thể dục thể thao tỉnh)		20.188.699.431			0			20.188.699.431	6.156.100.000						6.156.100.000
V Kiểm nghị khác																
1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thành phố Quảng Ngãi		598.318.000	0	0	0	0	0	372.263.000	513.449.000	0	0	0	0	0	372.263.000
+	Khu đô thị mới phục vụ tái định cư Khu II Đê bao, thành phố Quảng Ngãi; Phê duyệt điều chỉnh giảm phần thuế giá trị gia tăng trong giá trị dự toán chỉ phí giám sát thi công xây dựng - làm cơ sở nghiệm thu thanh quyết toán		79.685.000			0			79.685.000	0						0
2	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi		372.263.000	0	0	0	0	0		372.263.000	0	0	0	0	0	0
+	Đập ngăn mặn Bình Nguyên và Bình Phước		372.263.000			0			372.263.000	372.263.000						
3	Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi		146.370.000	0	0	0	0	0	146.370.000	141.186.000	0	0	0	0	0	141.186.000
+	Thu hồi nợ NSNN theo kết quả kiểm toán độc lập BC QTDHNT (dự án Trường THPT chuyên Lê Khết - Cai tạo, XD phòng học, các hạng mục thiết yếu đạt tiêu chuẩn trường chuyên (giai đoạn 1))		146.370.000						146.370.000	141.186.000						141.186.000
A.2 Kiểm toán tại các DA sử dụng vốn đầu tư ngoài NSNN năm 2020:																
1	Dự án ...		0			0				0						
2	Dự án ...		0			0				0						

STT	Tên đơn vị	Số ngày của báo cáo tài chính năm	Tổng số	1/Tổng thu và chi phí		3/Tổng thu và giảm cấp phân bổ chi sai chế độ		4/Chuyển QT	5/Tổng thu và chi phí	6/Dịch chuyển quỹ đầu tư, dự trữ, dự phòng	Tổng số	1/Tổng thu và chi phí		3/Tổng thu và giảm cấp phân bổ chi sai chế độ		4/Chuyển QT	5/Tổng thu và chi phí	6/Dịch chuyển quỹ đầu tư, dự trữ, dự phòng	Chi phí
				thu và chi phí	thu và chi phí	thu và chi phí	thu và chi phí				thu và chi phí	thu và chi phí	thu và chi phí	thu và chi phí	thu và chi phí				
B	Kiểm toán NSDP niên độ 2019	415/CTNN-TT ngày 14/12/2020	7.634.340.750	0	0	184.653.000	0	0	184.653.000	0	3.642.548.750	0	0	41.864.000	0	41.864.000	0	3.000.684.750	
B.1	Kiểm toán tại đơn vị (có nội dung liên quan đến các dự án sử dụng vốn đầu tư công nguồn NSNN năm 2019):		7.634.340.750	0	0	184.653.000	0	0	184.653.000	0	3.642.548.750	0	0	41.864.000	0	41.864.000	0	3.000.684.750	
I	Giảm dự toán, giảm thành toán năm sau		184.653.000	0	0	184.653.000	0	0	184.653.000	0	41.864.000	0	0	41.864.000	0	41.864.000	0	0	
I	BQL, KKT Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi		142.789.000	0	0	142.789.000	0	0	142.789.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
+	DA Xây dựng 02 huyện đường gom QL 1A (D3 & D4)		142.789.000			142.789.000			142.789.000										
2	Huyện Sơn Hà		41.864.000	0	0	41.864.000	0	0	41.864.000	0	41.864.000	0	0	41.864.000	0	41.864.000	0	0	
+	Ban QLDA DTXD và PTOD huyện Sơn Hà		41.864.000			41.864.000			41.864.000										
II	Giảm giá trị hợp đồng		3.657.471.000	0	0	0	0	0	0	0	49.025.000	0	0	0	0	0	0	49.025.000	
I	BQL, KKT Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi		3.808.446.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
+	DA Xây dựng 02 huyện đường gom QL 1A (D3 & D4)		3.808.446.000			0			0		0			0			0	0	
2	Huyện Sơn Tịnh		49.025.000	0	0	0	0	0	0	0	49.025.000	0	0	0	0	0	0	49.025.000	
+	Ban QLDA DTXD và PTOD huyện Sơn Tịnh		49.025.000			0			0		49.025.000			0			0	49.025.000	
III	Xây dựng		3.592.216.750	0	0	0	0	0	0	0	2.951.659.750	0	0	0	0	0	0	2.951.659.750	
I	BQL, KKT Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi		3.592.216.750	0	0	0	0	0	0	0	2.951.659.750	0	0	0	0	0	0	2.951.659.750	
+	Nghiệm thu, thanh toán một số thiết bị sai khác về thông số so với hồ sơ dự thầu của DA Nhà máy xử lý nước thải KCN Tinh Phong (Gđ01)		2.951.659.750			0			0		2.951.659.750			0			0	2.951.659.750	
+	Thanh toán nhưng chưa đầy đủ hồ sơ hồ sơ (DA Xây dựng 02 huyện đường gom Quốc lộ 1A (D3&D4))		640.557.000			0			0		640.557.000			0			0		
B.2	Kiểm toán tại các DA sử dụng vốn đầu tư nguồn NSNN năm 2019:		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1	Dự án ...		0			0			0		0			0			0	0	
2	Dự án ...		0			0			0		0			0			0	0	
C	Kiểm toán NSDP niên độ 2018	241/CTNN-TT ngày 02/7/2019	30.704.911.866	0	0	249.345.775	198.660.775	0	50.685.000	0	276.678.444	0	0	79.160.444	28.475.444	0	50.685.000	197.518.000	
C.1	Kiểm toán tại đơn vị (có nội dung liên quan đến các dự án sử dụng vốn đầu tư công nguồn NSNN năm 2018):		30.544.158.669	0	0	88.592.578	37.907.578	0	50.685.000	0	260.485.444	0	0	62.967.444	12.282.444	0	50.685.000	197.518.000	
I.1	Thu hồi hình phạt khác		29.763.793.091	0	0	0	0	0	29.763.793.091	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1	Số TTX chính		29.763.793.091	0	0	0	0	0	29.763.793.091	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
+	Chương trình mục tiêu quốc gia về Nông thôn mới		557.000.000			0			557.000.000		0			0			0	0	
+	KP bổ sung có mục tiêu từ NS Trung ương		3.009.000.000			0			3.009.000.000		0			0			0	0	
+	Nguồn vốn năm 2017 trở về trước còn lại chưa bố trí, chưa sử dụng hết		197.793.091			0			197.793.091		0			0			0	0	
+	Kế hoạch vốn Kéo dài sang năm 2018 cuối năm không sử dụng hết		26.000.000.000			0			26.000.000.000		0			0			0	0	
I.2	Thu hồi, nộp NS các khoản chi sai quy định		37.907.578	0	0	37.907.578	37.907.578	0	0	0	12.282.444	0	0	12.282.444	12.282.444	0	0	0	
1	BQL dự án DTXD các công trình Giao thông		37.907.578	0	0	37.907.578	37.907.578	0	0	0	12.282.444	0	0	12.282.444	12.282.444	0	0	0	
+	Dự án BQL và Hòa Hài		37.907.578			37.907.578	37.907.578		0		12.282.444			12.282.444	12.282.444		0	0	
L.3	Giảm dự toán, giảm thành toán năm sau		50.685.000	0	0	50.685.000	0	0	50.685.000	0	0	0	0	50.685.000	0	0	0	0	

STT	Tên đơn vị	Số, ngày của Báo cáo Kiểm toán nhà nước	Kiểm toán của Kiểm toán nhà nước đang chỉ đạo										Tổng số đã xét lý					Ghi chú
			Tổng số	1/Tổng thu về thuế, thu phí thu thuế khác	2. Ghi thu phí thu thuế khác	3/Thu lãi và giảm cấp phát do chi sai chế độ	4/Chuyển a QT	5/Thu lãi tính phí thừa	6/Điều chỉnh quyết toán, hủy dự toán, Giảm giá trị hợp	Tổng số	1/Tổng thu về thuế, thu phí thu thuế khác	2. Ghi thu phí thu thuế khác	3/Thu lãi và giảm cấp phát do chi sai chế độ	4/Chuyển a QT	5/Thu lãi tính phí thừa	6/Điều chỉnh quyết toán, hủy dự toán, Giảm giá trị hợp		
I	BQL dự án DTXD các công trình Giao thông tỉnh		50.685.000	0	0	50.685.000	0	0	0	50.685.000	0	0	50.685.000	0	0	0		
+	DA Tiểu ứng, thoát lũ KCN VSIP Quảng Ngãi đoạn I		50.685.000			50.685.000				50.685.000			50.685.000					
I.4	Giảm giá trị hợp đồng		691.773.000	0	0	0	0	0	0	691.773.000	197.518.000	0	0	0	0	0	197.518.000	
1	BQL dự án DTXD các công trình Giao thông tỉnh		691.773.000	0	0	0	0	0	0	691.773.000	197.518.000	0	0	0	0	0	197.518.000	
+	Dự án Đê kè Hòa Hà		691.773.000			0				691.773.000	197.518.000			0			197.518.000	
C.2	Kiểm toán Chuyên đề CTMTQC Giám công bố vận hành giai đoạn 2016-2020	28/07/2019	160.753.197	0	0	160.753.197	0	0	0	16.193.000	0	0	16.193.000	0	0	0	0	
I	Thu hồi, nộp NS các khoản chi sai quy định		160.753.197	0	0	160.753.197	0	0	0	16.193.000	0	0	16.193.000	0	0	0	0	
1	Huyện Ba Tư		160.753.197	0	0	160.753.197	0	0	0	16.193.000	0	0	16.193.000	0	0	0	0	
+	Cầu Nước Xi		32.983.595			32.983.595			0	16.193.000	0	0	16.193.000	0	0	0	0	
+	Đường QL 24 đi Nước Ui		66.368.705			66.368.705			0	0			0					
+	Cầu BTCT UBND xã Nước Lá		45.208.153			45.208.153			0	0			0					
+	Trường Tiểu học và THCS Ba Liên; ban mục: Nhà hiệu bộ+ khối phòng phục vụ học tập		16.192.744			16.192.744			16.193.000				16.193.000					
D	Kiểm toán NSDP niên độ 2017	64/6/CTNN-TH ngày 28/11/2018	15.678.335.182	0	0	7.830.326.093	7.745.044.183	85.281.910	0	998.512.047	0	0	998.512.047	0	0	0	0	
D.1	Kiểm toán tại đơn vị có nội dung liên quan đến các dự án sử dụng vốn đầu tư công nguồn NSNN năm 2017:		7.933.290.999	0	0	85.281.910	0	85.281.910	0	7.848.009.089	0	0	0	0	0	0	0	
I	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau		85.281.910	0	0	85.281.910	0	85.281.910	0	7.848.009.089	0	0	0	0	0	0	0	
1	Thành phố Quảng Ngãi		85.281.910	0	0	85.281.910	0	85.281.910	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
+	ĐA Cầu Thạch Bích		85.281.910			85.281.910			0	0			0			0	0	
II	Giảm giá trị hợp đồng		7.848.009.089	0	0	0	0	0	0	7.848.009.089	0	0	0	0	0	0	0	
1	Thành phố Quảng Ngãi		7.848.009.089	0	0	0	0	0	0	7.848.009.089	0	0	0	0	0	0	0	
+	ĐA Cầu Thạch Bích		7.743.247.089			0			7.743.247.089	0			0			0	0	
+	ĐA Đường Lê Thánh Tôn		104.762.000			0			104.762.000	0			0			0	0	
D.2	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý; sử dụng vốn đầu tư tại Dự án Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh; Dự án Cảng Bến Đình	778/TB-KTNN ngày 26/12/2018	7.745.044.183	0	0	7.745.044.183	7.745.044.183	0	0	998.512.047	0	0	998.512.047	0	0	0	0	
1	BQL dự án DTXD các công trình Giao thông tỉnh		7.745.044.183	0	0	7.745.044.183	7.745.044.183	0	0	998.512.047	0	0	998.512.047	0	0	0	0	
+	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định		2.184.920.653			2.184.920.653	2.184.920.653			318.968.734			318.968.734					
+	Thu hồi các khoản phải nộp nhưng chưa nộp		5.560.123.530			5.560.123.530	5.560.123.530			679.543.313			679.543.313					
E	Kiểm toán NSDP niên độ 2016	427/KTNN-TH 01/09/2017	17.945.180.565	0	0	6.232.761.142	0	6.232.761.142	0	11.712.419.423	0	0	6.040.580.381	0	0	11.712.419.423		
E.1	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý; sử dụng vốn đầu tư tại 03 dự án thuộc BQL Khu kinh tế Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi		17.945.180.565	0	0	6.232.761.142	0	6.232.761.142	0	11.712.419.423	0	0	6.040.580.381	0	0	11.712.419.423		
I	Ban quản lý KTT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi		17.945.180.565	0	0	6.232.761.142	0	6.232.761.142	0	11.712.419.423	0	0	6.040.580.381	0	0	11.712.419.423		
1	Giảm giá trị thanh toán		6.232.761.142	0	0	6.232.761.142	0	6.232.761.142	0	6.040.580.381	0	0	6.040.580.381	0	0	0	0	

			Kế hoạch của UBND tỉnh Quảng Ngãi										Tổng số dự án									
STT	Tên đơn vị	Số ngày làm việc của UBND tỉnh	Tổng số	1/ Tổng số dự án	2/ Chi phí dự án	3/ Thu nhập và giảm chi phí	4/ Chi phí dự án	5/ Thu nhập và giảm chi phí	6/ Chi phí dự án	Tổng số	1/ Tổng số dự án	2/ Chi phí dự án	3/ Thu nhập và giảm chi phí	4/ Chi phí dự án	5/ Thu nhập và giảm chi phí	6/ Chi phí dự án	Chi phí					
+	Dự án đường Trà Bình - Cảng Dung Quất		3.880.567.692		3.880.567.692					3.789.169.000		3.789.169.000										
+	Dự án kế hoạch phát triển kết cấu hạ tầng của khu vực dân cư, neo đậu tàu thuyền - Đập Cũ Ninh Hạ lưu sông Trà Bình phục vụ KKT Dung Quất, huyện Bình Sơn		2.352.193.450		2.352.193.450					2.251.411.381		2.251.411.381										
2	Giảm giá trị hợp đồng, giải trừ trùng lặp		4.405.458.494	0	0	0	0	0	0	4.405.458.494	0	0	0	0	0	0	0					
+	Dự án kế hoạch phát triển kết cấu hạ tầng của khu vực dân cư, neo đậu tàu thuyền - Đập Cũ Ninh Hạ lưu sông Trà Bình phục vụ KKT Dung Quất, huyện Bình Sơn		4.405.458.494		0					4.405.458.494			0				4.405.458.494					
3	Kiểm nghiệm sử lý khác		7.306.960.929	0	0	0	0	0	0	7.306.960.929	0	0	0	0	0	0	7.306.960.929					
+	Dự án đường Trà Bình - Cảng Dung Quất		3.339.896.141		0					3.339.896.141			0				3.339.896.141					
+	Dự án kế hoạch phát triển kết cấu hạ tầng của khu vực dân cư, neo đậu tàu thuyền - Đập Cũ Ninh Hạ lưu sông Trà Bình phục vụ KKT Dung Quất, huyện Bình Sơn		3.967.064.788		0					3.967.064.788			0				3.967.064.788					
E.2	Kiểm toán tại các DA sử dụng vốn đầu tư nguồn NSNN năm 2016:																					
1	Dự án ...																					
2	Dự án ...																					
F	Kiểm toán NSDP niên độ 2014	13/KTNN-TH ngày 08/01/2016	440.758.478	0	0	440.758.478	440.758.478	0	0	440.758.478	0	0	0	0	0	0	0					
F.1	Kiểm toán tại đơn vị (có nội dung liên quan đến các dự án sử dụng vốn đầu tư công nguồn NSNN năm 2014):		440.758.478	0	0	440.758.478	440.758.478	0	0	440.758.478	0	0	0	0	0	0	0					
1	Thủ tục, hợp NS các khoản chi sai quy định		440.758.478	0	0	440.758.478	440.758.478	0	0	440.758.478	0	0	0	0	0	0	0					
1	Huyện Tư Nghĩa		440.758.478	0	0	440.758.478	440.758.478	0	0	440.758.478	0	0	0	0	0	0	0					
+	Dự án đường Chim Húc - Nghĩa Thọ		440.758.478			440.758.478				440.758.478			0				0					
F.2	Kiểm toán tại các DA sử dụng vốn đầu tư nguồn NSNN năm 2014:																					
1	Dự án ...																					
2	Dự án ...																					
G	Kiểm toán NSDP niên độ 2012	23/KTNN-TH ngày 05/10/2012	746.024.400	0	0	300.476.825	103.919.433	196.557.392	0	445.547.575	290.786.080	0	0	0	0	0	290.786.080					
G.1	Kiểm toán tại đơn vị (có nội dung liên quan đến các dự án sử dụng vốn đầu tư công nguồn NSNN năm 2012):		746.024.400	-	-	300.476.825	103.919.433	196.557.392	-	445.547.575	290.786.080	-	-	-	-	-	290.786.080					
1	Thủ tục, hợp NS các khoản chi sai quy định		103.919.433	0	0	103.919.433	103.919.433	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0					
1	Sở Tài chính		103.919.433	0	0	103.919.433	103.919.433	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0					
+	Dự án nhà làm việc huyện Tư Nghĩa		38.747.038			38.747.038	38.747.038			0	0						0					
+	DA Kỹ học xã Sinh viên Quảng Ngãi tại ĐH Quốc Gia TP HCM		63.172.395			63.172.395	63.172.395			0	0						0					
1	Giảm chi phí, giảm chi phí khác		196.557.392	0	0	196.557.392	0	0	0	196.557.392	0	0	0	0	0	0	0					
1	Trong năm phát triển quỹ đất tỉnh		196.557.392	0	0	196.557.392	0	0	0	196.557.392	0	0	0	0	0	0	0					
+	DA nhà ở cho Công nhân và người LĐ có thu nhập thấp tại KKT Dung Quất		141.689.271			141.689.271				0	0						0					
+	DA Hệ thống kỹ thuật KĐC trực đường Bàu Giang - Cầu Mới		34.868.121			34.868.121				0	0						0					

STT		Tên đơn vị	Số, ngày của Báo cáo kiểm toán nhà nước	Kết quả của kiểm toán nhà nước dùng chế độ										Tổng số đã xử lý					Chi phí	
				Tổng số	1/Tổng thu về thuế, phí và các khoản khác	2/Ghi thu ghi vào sổ	3/Thu hồi và giảm cấp phát do chỉ sai chế độ	4/Chuyển n-QT	5/Thu hồi kinh phí thừa	6/Điều chỉnh quyết toán, hủy dự toán, Giảm giá trị hợp	Tổng số	1/Tổng thu về thuế, phí và các khoản khác	2/Ghi thu ghi vào sổ	3/Thu hồi và giảm cấp phát do chỉ sai chế độ	4/Chuyển n-QT	5/Thu hồi kinh phí thừa	6/Điều chỉnh quyết toán, hủy dự toán, Giảm giá trị hợp			
III		Xếp loại TC khác		445.547.575	0	0	0	0	0	445.547.575	290.786.080	0	0	0	0	0	290.786.080			
1		Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh		445.547.575	0	0	0	0	0	445.547.575	290.786.080	0	0	0	0	0	290.786.080			
+		DA Hạng kỹ thuật KDC trục đường Cầu Lộ - Cầu Mới		445.547.575			0			445.547.575	290.786.080			0			290.786.080			
G.2		Kiểm toán tại các DA sử dụng vốn đầu tư ngoài NSNN năm 2012:		445.547.575			0			445.547.575	290.786.080			0			290.786.080			
1		Dự án ...																		
2		Dự án ...																		
II		Kiểm toán Chương trình 30a (giai đoạn 2009-2011)		18.107.197.651	0	0	1.507.997.651	266.954.000	1.241.043.651	0	33.068.211	0	0	33.068.211	0	0	0			
I		Thu hồi, nộp NS các khoản chi sai quy định		266.954.000	0	0	266.954.000	266.954.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
1		Huyện Trà Bồng		266.954.000	0	0	266.954.000	266.954.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
+		DA đường cầu Hà Riêng - Khu tái định cư (BQL dự án ĐTXD huyện Tây Trà cũ)		266.954.000			266.954.000	266.954.000			0		0	0	0	0	0			
II		Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau		1.241.043.651	0	0	1.241.043.651	0	1.241.043.651	0	33.068.211	0	0	33.068.211	0	0	0			
1		Huyện Trà Bồng		1.241.043.651	0	0	1.241.043.651	0	1.241.043.651	0	33.068.211	0	0	33.068.211	0	0	0			
+		DA Đường Trà Phong - Gò Rô - Trà Bung		1.241.043.651			1.241.043.651		1.241.043.651		33.068.211			33.068.211			0			
III		Kiểm nghị khác		16.599.200.000	0	0	0	0	0	16.599.200.000	0	0	0	0	0	0	0			
1		Huyện Sơn Tây		16.599.200.000	0	0	0	0	0	16.599.200.000	0	0	0	0	0	0	0			
+		Hoàn trả nguồn kinh phí của Chương trình do sử dụng sai mục đích (chi xây dựng trụ sở xã không có trong danh mục công trình của Chương trình được phê duyệt)		16.599.200.000			0			16.599.200.000	0			0			0			
I		Kiểm toán NSDP niên độ 2010	646/KTNH-TH ngày 28/11/2018	436.305.646	0	0	436.305.646	143.065.000	293.240.646	0	37.567.000	0	0	37.567.000	0	0	0			
I.1		Kiểm toán tại đơn vị (có nội dung liên quan đến các dự án sử dụng vốn đầu tư công ngoài NSNN năm 2010):		436.305.646	-	-	436.305.646	143.065.000	293.240.646	-	37.567.000	-	-	37.567.000	-	-	-			
I		Thu hồi nộp ngân sách nhà nước các khoản chi sai chế độ		143.065.000	-	-	143.065.000	143.065.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
1		UBND huyện Sơn Tịnh (đã bàn giao cho UBND Thành phố Quảng Ngãi)		143.065.000	-	-	143.065.000	143.065.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
+		Dự án Đường Giao thông tuyến Cầu Kinh Giang - Khê Hội		143.065.000			143.065.000	143.065.000			-		-	-			-			
II		Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau		293.240.646	0	0	293.240.646	0	293.240.646	0	37.567.000	0	0	37.567.000	0	0	0			
1		Sở Nông nghiệp và PTNT		255.673.646	-	-	255.673.646	-	255.673.646	-	-	-	-	-	-	-	-			
+		Dự án trồng rừng phòng hộ đầu nguồn tỉnh		255.673.646			255.673.646		255.673.646		0		0	0			-			
2		Huyện Trà Bồng		37.567.000	0	0	37.567.000	0	37.567.000	0	37.567.000	0	0	37.567.000	0	0	0			
+		Dự án nhà làm việc UBND huyện Tây Trà		37.567.000			37.567.000		37.567.000		37.567.000			37.567.000			0			
I.2		Kiểm toán tại các DA sử dụng vốn đầu tư ngoài NSNN năm 2010:																		
1		Dự án ...									0		0	0						
2		Dự án ...									0		0	0						